

BUỔI 1

BÀI 6 <i>Ngày soạn</i> <i>Ngày dạy:.....</i>	ÔN TẬP CHUYỆN KỂ VỀ NHỮNG NGƯỜI ANH HÙNG
---	---



*Và con phải kể cho con của con nghe
về những truyền thuyết mà mẹ đã kể cho con - giống như bà
đã kể cho mẹ và bà cố đã kể cho bà....*

Bét-ti Xmít (Betty Smith)

A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Năng lực:

Giúp HS:

- Ôn tập củng cố, hệ thống hóa kiến thức về một số yếu tố của truyền thuyết như: cốt truyện, nhân vật, yếu tố kì ảo, nhận biết được chủ đề văn bản: *Thánh Gióng, Sơn Tinh Thủy Tinh*; và một số truyện thuộc thể loại truyền thuyết.

- Hiểu được được văn bản thông tin thuật lại một sự kiện và cách triển khai văn bản theo trật tự thời gian. Cảm nhận được đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của VB *Ai ơi mong 9 tháng 4* và một số VB cùng thể loại, đề tài

- Hiểu được công dụng của dấu chấm phẩy (đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong chuỗi liệt kê phức tạp).

- Rèn kĩ năng viết văn bản thông tin thuật lại một sự kiện.

- Rèn kĩ năng nói – nghe kể được một truyền thuyết.

2. Phẩm chất:

- Tự hào về truyền thống lịch sử và văn hóa dân tộc, bồi dưỡng tinh thần yêu nước, trách nhiệm bảo vệ đất nước.

DẠY THÊM NGỮ VĂN 6 – BỘ KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

B. PHƯƠNG TIỆN VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu:

- Tham khảo SGK, SGK Ngữ văn 6 Kết nối tri thức với cuộc sống
- Tài liệu ôn tập bài học.
- Các phiếu học tập.

2. Thiết bị và phương tiện:

- Sưu tầm tranh ảnh, tư liệu có liên quan đến bài học.
- Sử dụng ngôn ngữ trong sáng, lành mạnh.
- Sử dụng máy chiếu/tivi kết nối wifi

C. PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC

- **Phương pháp:** Thảo luận nhóm, động não, dạy học giải quyết vấn đề, thuyết trình, đàm thoại gợi mở, dạy học hợp tác... .

- **Kỹ thuật:** Sơ đồ tư duy, phòng tranh, chia nhóm, đặt câu hỏi, khăn trải bàn,...

D. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC THEO CHỦ ĐỀ

Hoạt động : Khởi động

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Báo cáo sản phẩm dạy học dự án:

Nhóm 1: Tập làm phóng viên hoặc hướng dẫn viên du lịch: Giới thiệu về lễ hội Gióng hoặc ảnh sưu tầm được.

Nhóm 2: Tập làm họa sĩ: Vẽ các bức tranh minh họa nội dung của 1 tác phẩm truyện (ghép nhiều tranh lại theo trình tự tạo thành 1 truyện tranh).

Nhóm 3: Tập làm diễn viên (Sân khấu hoá tác phẩm): Đóng 1 trích đoạn trong tác phẩm truyện.

(Nhiệm vụ các nhóm đã được giao trước một tuần sau tiết học buổi sáng)

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

Các nhóm lần lượt báo cáo sản phẩm dự án của nhóm.

GV khích lệ, động viên.

B3: Báo cáo sản phẩm học tập:

Các nhóm nhận xét sản phẩm của nhóm bạn sau khi nhóm bạn báo cáo.

B4: Đánh giá, nhận xét

- GV nhận xét, khen và biểu dương các nhóm có sản phẩm tốt.
- GV giới thiệu nội dung ôn tập bài 6:

KĨ NĂNG	NỘI DUNG CỤ THỂ
Đọc – hiểu văn bản	Độc hiểu văn bản:
	+ Văn bản 1: Thánh Gióng
	+ Văn bản 2: Sơn Tinh, Thủy Tinh
	+ Văn bản 3: Ai ơi mừng 9 tháng 4
	Thực hành Tiếng Việt: Ôn tập về từ ghép, từ láy, nghĩa của từ, các biện pháp tu từ, dấu chấm phẩy

DẠY THÊM NGỮ VĂN 6 – BỘ KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

	- VB thực hành đọc: Ôn tập cách viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hóa)
Viết	Viết: Ôn tập cách viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hóa)
Nói và nghe	Nói và nghe: Ôn tập kể lại một truyền thuyết

Hoạt động 2: Ôn tập kiến thức cơ bản

a. Mục tiêu: Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức của bài học: Bài 6: Chuyện kể về những người anh hùng

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để ôn tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp, đàm thoại gợi mở; hoạt động nhóm,

- HS lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi của GV các đơn vị kiến thức cơ bản của bài học

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tích cực trả lời.

- GV khích lệ, động viên

B3: Báo cáo sản phẩm

- HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.

- Các HS khác nhận xét, bổ sung.

B4: Đánh giá, nhận xét

GV nhận xét, chốt kiến thức

❖ VĂN BẢN ĐỌC HIỂU

* Hoàn thành phiếu học tập 01: Chia lớp thành 06 nhóm

Tên truyện	Truyền thuyết “Thánh Gióng” (nhóm 1, 2)	Truyền thuyết “Sơn Tinh, Thủy Tinh” (nhóm 3, 4)	Truyền thuyết “Bánh chưng, bánh giầy” (nhóm 5, 6)
1. Các sự kiện chính của truyện
2. Các yếu tố kì ảo

3. Sự thật lịch sử			
4. Nội dung, ý nghĩa truyện

***GV hướng dẫn HS chốt các đơn vị kiến thức cơ bản của các văn bản đọc hiểu:**

Ôn tập đọc hiểu văn bản: **THÁNH GIÓNG**

I. TRUYỆN TRUYỀN THUYẾT

1. Khái niệm

- *Truyện truyền thuyết* là loại truyện dân gian, kể về các sự kiện và nhân vật ít nhiều có liên quan đến lịch sử, thông qua sự tưởng tượng, hư cấu.

2. Một số yếu tố của truyện truyền thuyết:

- **Cốt truyện:** Kể về cuộc đời và những chiến công của các nhân vật lịch sử, hoặc giải thích các phong tục, tập quán, sản vật của địa phương theo quan điểm của tác giả dân gian. Kể theo trình tự thời gian. Không gian cụ thể, xác định.

- **Nhân vật chính:** là những người anh hùng đại diện cho nhân dân (anh hùng chống giặc ngoại xâm, danh nhân văn hóa..)

- **Lời kể:** cô đọng, mang sắc thái trang trọng, ngợi ca.

- **Yếu tố kì ảo (lạ và không có thật):** xuất hiện đậm nét, nhằm tôn vinh, lí tưởng hóa nhân vật và chiến công của họ.

3. Cách đọc hiểu một truyện truyền thuyết.

- Nhận biết được nhân vật anh hùng trong truyện, yếu tố lịch sử cốt lõi được đề cập.

- Kể lại được truyện theo trình tự diễn biến các sự kiện.

- Nhận biết được chủ đề của truyện

- Chỉ ra được tác dụng của các yếu tố hoang đường, kì ảo

- Hiểu được ý nghĩa của truyện: ngợi ca truyền thống cao đẹp của dân tộc và ước mơ của nhân dân trong chiến đấu và cuộc sống đời thường.

DẠY THÊM NGỮ VĂN 6 – BỘ KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

II. KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ TRUYỆN “THÁNH GIÓNG”

Thể loại	Truyện truyền thuyết.
Phương thức biểu đạt chính	Tự sự.
Bố cục văn bản	<p><i>Văn bản chia làm 4 phần</i></p> <ul style="list-style-type: none">- <u>Phần 1</u>: Từ đầu đến “...đặt đâu nằm đấy” (Sự ra đời của Thánh Gióng)- <u>Phần 2</u>: Tiếp đến “...cứu nước” (Sự lớn lên của Thánh Gióng)- <u>Phần 3</u>: Tiếp đến “...bay lên trời” (Thánh Gióng đánh giặc và về trời)- <u>Phần 4</u>: Còn lại (các dấu tích còn lại)
Nhân vật và sự việc:	<ul style="list-style-type: none">- Nhân vật chính: Thánh Gióng- Truyền thuyết Thánh Gióng liên quan đến sự thật lịch sử ở thời đại Hùng Vương- Ngôi kể: thứ ba- Sự việc chính:<ul style="list-style-type: none">+ Hoàn cảnh ra đời khác thường của Gióng.+ Gióng xin đi đánh giặc và lớn nhanh như thổi.+ Gióng ra trận đánh thắng giặc và bay về trời.+ Vua và dân làng ghi nhớ công ơn của Gióng; những dấu tích Gióng để lại..
Tóm tắt truyện	Vào đời vua Hùng Vương thứ sáu, ở làng Gióng có hai vợ chồng ông lão có tiếng là phúc đức nhưng mãi không có con. Một hôm bà vợ ra đồng ướm chân vào một vết chân to, về thụ thai và mười hai tháng sau sinh ra một cậu con trai khô ngô. Cậu bé lên ba tuổi mà không biết đi mà cũng chẳng biết nói cười. Giặc Ân xuất hiện ngoài bờ cõi, cậu bé bỗng cất tiếng nói xin được đi đánh giặc. Cậu bé yêu cầu sứ giả về tâu vua sắm cho cậu ngựa sắt, roi sắt và áo giáp sắt. Từ đó cậu lớn nhanh như thổi. Cơm ăn bao nhiêu cũng không no, áo vừa

	may xong đã chập, bà con hàng xóm góp cơm gạo nuôi cậu. Giặc đến, cậu bé vươn vai thành một tráng sĩ, mặc áo giáp sắt, cưỡi ngựa sắt, cầm roi sắt xông ra diệt giặc. Roi sắt gãy, Gióng bèn nhổ cả những bụi tre bên đường đánh tan quân thù. Giặc tan, Gióng một mình một ngựa trèo lên đỉnh núi rồi bay thẳng lên trời. Vua nhớ công ơn bèn phong là Phù Đổng Thiên Vương. Nhân dân lập đền thờ, hàng năm mở hội làng để tưởng nhớ. Các ao hồ, những bụi tre đặng ngà vàng óng đều là những dấu tích về trận đánh của Gióng năm xưa.
Nội dung	<i>Thánh Gióng</i> là biểu tượng rực rỡ của lòng yêu nước, sức mạnh phi thường của dân tộc. Truyền thuyết thể hiện ước mơ của nhân dân về người anh hùng đánh giặc.
Nghệ thuật	- sử dụng các yếu tố hoang đường, kì ảo để lí tưởng hoá người anh hùng lịch sử; thể hiện quan niệm, cách đánh giá của nhân dân về người anh hùng

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH VĂN BẢN

1. Dàn ý

1.1. Nêu vấn đề:

- Giới thiệu chủ đề: đánh giặc cứu nước thẳng lộ là chủ đề lớn, xuyên suốt lịch sử văn học Việt Nam nói chung, văn học dân gian nói riêng. Truyền thuyết “Thánh Gióng” là truyện truyền thuyết tiêu biểu cho chủ đề này
- Giới thiệu về truyền thuyết “Thánh Gióng: là truyền thuyết, thể hiện sự ngợi ca, tôn vinh của nhân dân ta đối với các bậc tiền nhân trong lịch sử.

1.2 Giải quyết vấn đề

1. Nhân vật Thánh Gióng

a. Sự ra đời của Thánh Gióng

- Sự ra đời bình thường:

Con hai vợ chồng ông lão chăm chỉ làm ăn và phúc đức.

- Sự ra đời khác thường:

+ Một hôm bà ra đồng, trông thấy một vết chân to hơn vết chân người thường.

+ Bà ướm thử vết chân, không ngờ về nhà đã thụ thai.

+ mười hai tháng sau sinh một cậu bé khôi ngô tuấn tú. Chú bé lên ba tuổi mà vẫn không biết nói, biết cười, chẳng biết đi, cứ đặt đâu thì nằm đấy.

Sự ra đời kì lạ của Gióng làm nổi bật tính chất khác thường, hé mở rằng Gióng không phải là đứa trẻ bình thường như bao đứa trẻ khác. Điều này nằm trong mối liên kết xuyên suốt VB truyền thuyết kể về người anh hùng: ra đời khác thường, kì lạ- lập nên những chiến công

phi thường- và sau đó từ giả cuộc đời cũng theo một cách không giống người bình thường.

Chi tiết “Vết chân to” nơi đồng ruộng tạo sự tò mò. Ai là chủ nhân của vết chân ấy. Hẳn đó không phải là người bình thường. Hẳn vết chân ấy phải của người khổng lồ, có sức mạnh phi thường, vết chân của một vị thần. Đó là sức mạnh vô hạn, bí ẩn của tự nhiên được hình tượng hóa. Trong văn học dân gian, ở một số truyền thuyết đã gắn vết chân này với hình tượng ông Đổng Thiên Vương là thần sấm, có thân hình khổng lồ, thích đi hái cà, mỗi lần đi lại để lại vết chân khổng lồ (theo Nguyễn Đổng Chi). Một trong những cách mà tác giả dân gian thường dùng để khi thần thánh hóa người anh hùng đó là gắn kết họ với sức mạnh của tự nhiên.

-> Sự ra đời của Thánh Gióng kì lạ, khác thường. Nhưng Gióng xuất thân bình dị, gần gũi - người anh hùng của nhân dân.

b. Sự lớn lên của Thánh Gióng

***Tiếng nói đầu tiên, Gióng xin đi đánh giặc.**

- Câu nói đầu tiên của chú bé: ”Ông về tâu với vua, đúc cho ta một con ngựa sắt, làm cho ta một bộ áo giáp bằng sắt, rèn cho ta một cái roi cùng bằng sắt, ta nguyện phá tan lũ giặc này”. Câu nói thể hiện rõ ý thức cứu dân của Thành Gióng. Nói như Lê Trí Viễn, một nhà phê bình văn học: không nói là để bắt đầu nói, nói lời yêu nước, lời cứu nước”. Câu nói của Gióng sử dụng yếu tố kì ảo, một đặc trưng của truyền thuyết. Cậu bé làng Phù Đổng ra đời một cách khác thường (trong hoàn cảnh chiến tranh) báo hiệu cậu sẽ thực hiện nhiệm vụ lịch sử. Khi thực hiện thời điểm lịch sử đến thì cậu sẽ cất tiếng nói đầu tiên. Đó là tiếng nói thực hiện nhiệm vụ đánh giặc cứu nước, cứu dân. Đó cũng là dấu mốc quan trọng đánh dấu một cá nhân được tham gia vào công việc, thử thách của cả cộng đồng. Tác giả dân gian ca ngợi lòng yêu nước tiềm ẩn, nguyện vọng, ý thức tự nguyện đánh giặc cứu nước, yêu nước tạo khả năng kì lạ. Đó cũng là sức mạnh tự cường và niềm tin chiến thắng.

- Gióng đòi roi sắt, ngựa sắt, áo giáp sắt cho thấy đã có vũ khí lợi hại để giết giặc. Chi tiết thể hiện mơ ước có vũ khí thần kì. Đó còn là thành tựu văn hoá, kĩ thuật thời Hùng Vương. Nhân dân đã có sự tiến bộ, đã rèn sắt, đúc đồng phục vụ nhu cầu cuộc sống và chống giặc.

***Bà con dân làng góp gạo nuôi Gióng.**

- Gióng lớn nhanh như thổi, bà con góp gạo nuôi Gióng -> Tinh thần đoàn kết cộng đồng. Đánh giặc cứu nước là ý chí, sức mạnh toàn dân. Gióng lớn lên bằng cơm gạo của nhân dân. Sức mạnh của Gióng là sức mạnh của cả cộng đồng, toàn dân chung sức, đồng lòng đánh giặc. Đó là tinh thần đoàn kết dân tộc.

c. Thánh Gióng đánh giặc và bay về trời

*** Chú bé vươn vai trở thành tráng sĩ oai phong lẫm liệt.**

- Sự lớn dậy phi thường về thể lực của Gióng để đáp ứng yêu cầu cứu nước.

- Gióng mặc áo giáp sắt, cầm roi sắt, cưỡi ngựa sắt ... đánh hết lớp này đến lớp khác. ->Đó là vẻ đẹp dũng mãnh của người anh hùng theo cái nhìn lí tưởng hoá của nhân dân.

***Ngựa sắt phun lửa, roi sắt quật vào giặc chết như ngã rạ và những bụi tre bên đường quật giặc tan vỡ.**

- Con ngựa sắt của làng Phù Đổng mang nhiều đặc điểm kì ảo: có thể hí vang lên mấy tiếng, phun lửa, bay về trời.

- Roi sắt quật vào giặc, giặc chết như ngã rạ. Sau khi roi sắt gãy thì tráng sĩ nhổ tre cạnh

đường quật vào lũ giặc. Giặc tan vỡ. Đám tàn quân giẫm đạp lên nhau mà trốn thoát.

+ Việc thần kì hóa vũ khí bằng sắt của Thánh Gióng là một chi tiết có ý nghĩa biểu tượng, ngợi ca thành tựu văn minh của người Việt cổ ở thời đại Hùng Vương. Ở thời đại mà xã hội có nhiều đổi thay lớn về công cụ sản xuất và vũ khí chiến đấu. Chi tiết này còn cho thấy đã có nhiều người, đặc biệt là những người thợ rèn, người thợ thủ công anh hùng, đã góp công vào việc ra trận và đánh giặc của Thánh Gióng. Công sức ấy không chỉ thể hiện những vất vả ngày đêm, mà còn là sự nỗ lực vượt qua khó khăn, đúc kết kinh nghiệm.

+ *Roi sắt gãy, Gióng nhổ tre bên đường đánh giặc.* Thánh Gióng đánh giặc không chỉ bằng vũ khí mà còn bằng cả cỏ cây của đất nước. Trong quá trình đánh giặc, có sự tham gia giúp sức của nhiều người, trong đó có những yếu tố thuộc về thiên nhiên, điều kiện của đất nước.

***Tráng sĩ đánh giặc xong, cởi áo giáp sắt bỏ lại và bay về trời.**

- Người anh hùng vô tư, trong sáng, không màng địa vị, công danh.

- Sự ra đi phi thường là ước muốn bất tử hoá Thánh Gióng.

Đánh giá về ý nghĩa của hình tượng Gióng:

- Thánh Gióng là biểu tượng rạch rỡ của người anh hùng đánh giặc, cứu nước.

+ Thánh Gióng mang sức mạnh của cả cộng đồng ở buổi đầu dựng nước: sức mạnh vô hạn của thiên nhiên, đất nước; sức mạnh của ý chí lòng dân (những người thợ anh hùng, những người nông dân anh hùng, những người binh lính anh hùng...)

2. Chi tiết hoang đường kì ảo:

* Chi tiết hoang đường kì ảo, hư cấu (không có thật) là hình thức nghệ thuật đặc trưng cơ bản của truyền thuyết. Chi tiết kì ảo trải trong cả câu chuyện:

+ *Sự ra đời của Gióng: bà mẹ ướm vết chân lạ, về thụ thai. Tiếng nói đầu tiên là đòi đi đánh giặc.*

+ *Gióng lớn nhanh như thổi, vươn vai thành tráng sĩ.*

+ *Tráng sĩ nhổ tre quật vào lũ giặc*

+ *Đánh giặc xong, cả người lẫn ngựa bay về trời.*

* Ý nghĩa: thông qua sự hư cấu, thần kì, sự tưởng tượng kì ảo, tác giả dân gian muốn gửi gắm tư tưởng, tình cảm của mình với nhân vật Thánh Gióng và sự kiện đánh giặc cứu nước:

- Tác giả dân gian ca ngợi phẩm chất của Thánh Gióng như có lòng yêu nước, có ý chí, quyết tâm, có sức mạnh, trong sáng, vô tư. Nhấn mạnh sự ra đời thần kì, chiến công phi thường và hóa thân bất tử của người anh hùng.

- Ca ngợi tinh thần yêu nước, đoàn kết của nhân dân và gửi gắm ước mơ về người anh hùng cứu nước.

3. Các chi tiết liên quan đến sự thật lịch sử:

Vị trí của các chi tiết có thật: Cơ sở lịch sử, cốt lõi lịch sử trong truyện truyền thuyết chính là bối cảnh, chất liệu là nền đặc trưng của truyện truyền thuyết nói chung và truyện Thánh Gióng nói riêng

*** Câu chuyện được đặt trong hoàn cảnh cụ thể:**

- **Thời gian:** “*Đời Hùng Vương thứ 6*”.

- **Địa điểm:** “*Tại làng Gióng*”.

Hoàn cảnh ấy cho biết sự thật lịch sử:

- Đã có những cuộc chiến tranh ác liệt diễn ra giữa dân tộc ta và giặc ngoại xâm từ phương Bắc (giặc Ân).

- Người Việt thời bấy giờ đã chế tạo ra vũ khí bằng sắt, thép.

- Người Việt cổ đã cùng đoàn kết đứng lên chống giặc ngoại xâm, dùng tất cả các phương tiện để đánh giặc.

* Lời kể: *Hiện nay, vẫn còn đền thờ ở làng Phù Đổng, tục gọi là làng Gióng. Mỗi năm tháng tư làng mở hội to lắm*

* **Dấu tích**

- Đền thờ Phù Đổng Thiên Vương

- Bụi tre đẵn ngà

- Ao hồ liên tiếp

- Làng Cháy

* **Ý nghĩa:**

- Nhân dân ta tin rằng Thánh Gióng là người anh hùng có thật, thể hiện sự trân trọng, biết ơn, niềm tự hào về sức mạnh thần kì của một dân tộc trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Nhân dân ta bày tỏ ước mơ có một người anh hùng đánh giặc cứu nước.

- **Đây cũng là một thi pháp của truyện truyền thuyết. Người kể muốn tạo niềm tin ở người đọc, tăng tính xác thực cho câu chuyện.** Đồng thời, tác giả dân gian làm tăng thêm vẻ đẹp linh thiêng, hấp dẫn cho nhân vật. Gắn lịch sử với phong tục, địa danh nhằm biểu đạt ý nghĩa thiêng liêng: phong tục, địa danh hay các sản vật tự nhiên được “lịch sử đặt tên”, được “sinh ra” một lần nữa, nhớ những chiến công vĩ đại trong sự nghiệp dựng nước, giữ nước của nhân dân.

1.2. **Đánh giá khái quát**

1. **Nghệ thuật:**

- Chi tiết tượng tượng kì ảo.

- Khéo kết hợp huyền thoại và thực tế (cốt lõi sự thực lịch sử với những yếu tố hoang đường).

- Lời kể cô đọng, trang trọng.

2. **Nội dung, ý nghĩa:**

* *Nội dung:* Truyện ca ngợi công lao đánh đuổi giặc ngoại xâm của người anh hùng Thánh Gióng, qua đó thể hiện ý thức tự cường của dân tộc ta.

* *Ý nghĩa:* Hình tượng *Thánh Gióng* là biểu tượng rực rỡ của lòng yêu nước, sức mạnh phi thường, quyết tâm, tinh thần đoàn của dân tộc. Truyền thuyết thể hiện ước mơ của nhân dân

về người anh hùng đánh giặc.

***Cảm nhận của bản thân về truyền thuyết “Thánh Gióng”.**

IV. LUYỆN ĐỀ

***Bài tập trắc nghiệm:**

Câu 1: Ý nghĩa hình tượng Thánh Gióng là gì?

- A. Tượng trưng cho sức mạnh của tinh thần đoàn kết toàn dân
- B. Biểu tượng về lòng yêu nước, sức mạnh chống giặc ngoại xâm của nhân dân ta.
- C. Ước mơ của nhân dân ta về hình mẫu lí tưởng của người anh hùng chống giặc ngoại xâm thời kì đầu dựng nước.
- D. Tất cả đều đúng

Câu 2: Trong truyện *Thánh Gióng*, cậu bé Gióng cất tiếng nói đầu tiên khi nào?

- A. Khi Gióng được sáu tuổi và đòi đi chăn trâu.
- B. Khi cha mẹ Gióng bị bệnh và qua đời.
- C. Khi nghe sứ giả của nhà vua thông báo công chúa kén phò mã.
- D. Khi nghe sứ giả của nhà vua đi loan truyền tìm người tài giỏi cứu nước, phá giặc Ân.

Câu 3: Tác phẩm *Thánh Gióng* thuộc thể loại truyện dân gian nào?

- A. Cổ tích.
- B. Thần thoại.
- C. Truyền thuyết.
- D. Ngụ ngôn.

Câu 4: Phát biểu nào sau đây nói đúng nhất về nhân vật Thánh Gióng trong truyền thuyết *Thánh Gióng*?

- A. Thánh Gióng là nhân vật được xây dựng từ hình ảnh những người anh hùng có thật thời xưa.
- B. Thánh Gióng là nhân vật được xây dựng dựa trên truyền thống tuổi trẻ anh hùng trong lịch sử và từ trí tưởng tượng bắt nguồn từ tinh thần yêu nước của nhân dân.
- C. Thánh Gióng là một cậu bé kì lạ chỉ có trong thời kì đầu dựng nước.
- D. Thánh Gióng là nhân vật do nhân dân tưởng tượng hư cấu nên để thể hiện khát vọng chinh phục thiên nhiên.

Câu 5: Để ghi nhớ công ơn của Thánh Gióng, vua Hùng đã phong cho Thánh Gióng danh hiệu gì?

- A. Phù Đổng Thiên Vương
- B. Lưỡng quốc Trạng nguyên.
- C. Bồ Cái Đại Vương.

DẠY THÊM NGỮ VĂN 6 – BỘ KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

D. Đức Thánh Tản Viên..

Đáp án phần Trắc nghiệm:

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5
D	D	C	B	A

***Đề đọc hiểu :**

GV hướng dẫn HS thực hành các đề đọc hiểu về văn bản “Thánh Gióng”:

Đề bài 01:

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“Bấy giờ, có giặc Ân đến xâm phạm bờ cõi nước ta. Thế giặc rất mạnh, nhà vua lo sợ, bèn truyền sứ giả đi khắp nơi, tìm người tài giỏi cứu nước. Chú bé nghe tin, bỗng đứng cất tiếng nói với mẹ:

- Mẹ ra mời sứ giả vào đây, con xin thưa chuyện.

Sứ giả vào. Chú đưa bé bảo:

- Ông về tâu với vua, đúc cho ta một con ngựa sắt, làm cho ta một bộ áo giáp bằng sắt, và rèn cho ta một cái roi cũng bằng sắt, ta nguyện phá tan lũ giặc này.

Sứ giả vừa ngạc nhiên, vừa mừng rỡ, vội vàng về tâu vua. Vua ngay lập tức sai thợ đêm ngày phải làm làm cho đủ những đồ vật chú bé dặn.

Càng lạ hơn nữa, sau hôm gặp sứ giả, chú bé lớn nhanh như thổi. Cơm ăn mấy cũng không no. Áo vừa mặc xong đã chật níc. Hai vợ chồng làm ra bao nhiêu cũng không đủ nuôi con, thành thử phải chạy nhờ bà con hàng xóm. Bà con hàng xóm cũng vui lòng gom góp gạo thóc để nuôi chú bé, vì ai cũng mong chú bé giết giặc, cứu nước”.

(Trích truyện thuyết Thánh Gióng)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn. Nhân vật chính trong truyện là ai?

Câu 2: Câu nói đầu tiên của nhân vật chú bé là gì? Chú bé nói câu nói đó trong hoàn cảnh nào?

Câu 3: Cho biết ý nghĩa của chi tiết: “Bà con đều vui lòng gom góp gạo nuôi chú bé, vì ai cũng mong chú giết giặc, cứu nước” .

Câu 4: Hãy lí giải vì sao hội thi thể thao trong nhà trường thường mang tên “ Hội khoẻ Phù Đổng”?

Gợi ý làm bài

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn: tự sự

DẠY THÊM NGỮ VĂN 6 – BỘ KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Nhân vật chính trong truyện là Thánh Gióng.

Câu 2:

- Câu nói đầu tiên của nhân vật chú bé: “Ông về tâu với vua sắm cho ta một con ngựa sắt, một cái roi sắt và một tấm áo giáp sắt, ta sẽ phá tan lũ giặc này”.
- Hoàn cảnh của câu nói: Khi giặc Ân đến xâm phạm bờ cõi nước ta; thế giặc mạnh, đất nước cần người tài giỏi cứu nước.

Câu 3:

Ý nghĩa của chi tiết: “Bà con đều vui lòng gom góp gạo nuôi chú bé, vì ai cũng mong chú giết giặc, cứu nước” :

- + Sức mạnh của Gióng được nuôi dưỡng bằng cái bình thường, giản dị.
 - + Đồng thời còn nói lên truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết của dân tộc thuở xưa.
- ==> Gióng đâu chỉ là con của một bà mẹ mà là con của cả làng, của nhân dân. Sức mạnh của Gióng là sức mạnh của toàn dân.

Câu 4:

- Hội khoẻ Phù Đổng là hội thi dành cho lứa tuổi thiếu niên, lứa tuổi Thánh Gióng trong thời đại mới.
- Hình ảnh Thánh Gióng là hình ảnh của sức mạnh, của tinh thần chiến thắng rất phù hợp với ý nghĩa của một hội thi thể thao.
- Mục đích của hội thi là rèn luyện thể lực, sức khoẻ để học tập, lao động, góp phần bảo vệ và xây dựng Tổ quốc sau này.

Đề bài 02:

Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“Giặc đã đến chân núi Trâu Sơn. Thế rất nguy, ai nấy đều hoảng hốt. Vừa lúc đó thì sứ giả đem ngựa sắt, áo giáp sắt, roi sắt đến. Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái, bỗng biến thành một tráng sĩ, oai phong, lẫm liệt. Tráng sĩ bước lại, vỗ vào hông ngựa. Ngựa hí vang lên mấy tiếng. Tráng sĩ mặc áo giáp vào, cầm roi, nhảy lên mình ngựa. Ngựa phun lửa, phi thẳng đến chỗ quân giặc đóng. Tráng sĩ xông vào trận đánh giết; giặc chết như ngả rạ. Bỗng roi sắt gãy. Tráng sĩ bèn nhổ những cụm tre cạnh đường quật vào giặc. Giặc tan vỡ. Đám tàn quân giẫm đạp nhau mà trốn thoát. Tráng sĩ đuổi đến chân núi Ninh Sóc. Nhưng đến đấy, không biết vì sao, Người một mình cưỡi ngựa lên đỉnh núi, cởi giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời, biến mất.

(Trích truyện thuyết Thánh Gióng)

Câu 1: Tóm tắt sự việc nêu trong đoạn văn bằng một câu văn.

Câu 2: Giải thích nghĩa của từ “tráng sĩ”. Từ “chú bé” được thay bằng “tráng sĩ” có ý nghĩa gì?

Câu 3: Chi tiết: “*Người một mình cưỡi ngựa lên đỉnh núi, cởi giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời, biến mất*” có ý nghĩa gì?

Câu 4a. Theo em, việc lập đền thờ Thánh Gióng ở làng Phù Đổng và hàng năm mở hội Gióng có ý nghĩa gì?

Câu 4b. Sau khi đọc truyện *Thánh Gióng*, em có suy nghĩ gì về về truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta?

Câu 4c. Truyện muốn ca ngợi điều gì? Từ điều đó, em hãy rút ra bài học cho bản thân em. (GV có thể chọn 1 trong ba câu).

Gợi ý làm bài

Câu 1: Tóm tắt: Giặc đến chân núi Trâu, Gióng vươn vai biến thành tráng sĩ nhảy lên mình ngựa xông ra chiến trường đánh thắng giặc và bay về trời.

Câu 2:

- Từ “tráng sĩ” dùng để chỉ **người đàn ông có sức lực cường tráng và chí khí mạnh mẽ**

- Từ “chú bé” được thay bằng “tráng sĩ” cho thấy sự lớn lên của Gióng để đáp ứng được yêu cầu và nhiệm vụ cứu nước. Qua đó thể hiện quan niệm của nhân dân ta về mong ước có một người anh hùng đủ sức mạnh để đáp ứng nhiệm vụ dân tộc đặt ra trong hoàn cảnh cấp thiết.

Câu 3: Chi tiết: : “*Người một mình cưỡi ngựa lên đỉnh núi, cởi giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời, biến mất*” → Ý nghĩa của chi tiết trên:

- Áo giáp sắt của nhân dân làm cho để Gióng đánh giặc, nay đánh giặc xong trả lại cho nhân dân, vô tư không chút bụi trần.

- Thánh gióng bay về trời, không nhận bổng lộc của nhà vua, từ chối mọi phần thưởng, chiến công để lại cho nhân dân,

- Gióng sinh ra cũng phi thường khi ra đi cũng phi thường (bay lên trời).

- Gióng bắt tử cùng sông núi, bắt tử trong lòng nhân dân.

Câu 4a. HS nêu suy nghĩa của bản thân.

Có thể như: Ý nghĩa của việc lập đền thờ và hàng năm mở hội Gióng:

- Thể hiện tấm lòng tri ân người anh hùng bất tử, hướng về cội nguồn (đạo lí uống nước nhớ nguồn)

DẠY THÊM NGỮ VĂN 6 – BỘ KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

- Giáo dục thế hệ sau về truyền thống yêu nước, chống ngoại xâm của dân tộc; bồi đắp lòng yêu nước, tự hào về truyền thống văn hoá dân tộc.

Câu 4b. HS nêu suy nghĩ của bản thân.

Có thể như: Truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm là truyền thống quý báu của dân tộc ta. Trong truyện Thánh Gióng, lòng yêu nước, tinh thần chống giặc ngoại xâm được thể hiện qua tiếng nói đánh giặc của cậu bé Gióng, qua việc nhân dân đoàn kết góp gạo nuôi Gióng. Điều đó thể hiện ý thức trách nhiệm của mỗi người dân trước vận mệnh dân tộc, thể hiện tinh thần đoàn kết, sự đồng lòng của cả dân tộc trong công cuộc chống giặc ngoại xâm. Truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của ông cha ta khiến em vô cùng khâm phục, tự hào và nguyện sẽ phát huy.

Câu 4c.

- Truyện *Thánh Gióng* muốn ca ngợi công cuộc chống ngoại xâm, truyền thống yêu nước và tinh thần đoàn kết làm nên sức mạnh của cả cộng đồng, dùng tất cả các phương tiện để đánh giặc.
- Từ đó, truyện để lại cho em bài học về giữ gìn, xây dựng và bảo vệ đất nước.

Một số đề ngữ liệu ngoài SGK

Đề bài 03: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

“Vào thời ấy, giặc Minh đặt ách đô hộ ở nước Nam. Chúng coi dân ta như cỏ rác, thi hành nhiều điều bạo ngược làm cho thiên hạ căm giận đến tận xương tủy. Bấy giờ, ở vùng Lam Sơn, nghĩa quân đã nổi dậy chống lại chúng, nhưng buổi đầu thế lực còn non yếu nên nhiều lần bị giặc đánh cho tan tác. Thấy vậy, đức Long quân quyết định cho họ mượn thanh gươm thần để họ giết giặc”.

(Trích Sự tích Hồ Gươm)

Câu 1. Xác định ngôi kể của đoạn trích.

Câu 2. Nêu nội dung chính của đoạn trích.

Câu 3. Tìm những chi tiết liên quan đến sự thật lịch sử có trong đoạn văn trên? Những chi tiết ấy có ý nghĩa gì với câu chuyện được kể?

Câu 4: Việc giải thích nguồn gốc tên gọi của hồ Gươm gắn với cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống giặc Minh nói lên điều gì?

Gợi ý trả lời

Câu 1: Ngôi kể thứ 3.

Câu 2: Nội dung chính: Hoàn cảnh đức Long quân cho nghĩa quân Lam Sơn mượn gươm thần.

Câu 3:

- Những chi tiết liên quan đến sự thật lịch sử có trong đoạn văn trên:

DẠY THÊM NGỮ VĂN 6 – BỘ KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

+ Thời gian cụ thể: vào thời giặc Minh đô hộ nước Nam, chúng gây ra bao tội ác với nhân dân.

+ Nghĩa quân do Lê Lợi lãnh đạo dấy binh khởi nghĩa ở Lam Sơn nhằm chống lại nhà Minh, nhưng buổi đầu nghĩa quân còn gặp nhiều khó khăn.

- Những chi tiết trên có ý nghĩa với câu chuyện được kể:

+ làm cho câu chuyện được kể trở nên chân thực, tạo sự tin cậy cho người nghe.

+ làm cơ sở để ca ngợi vẻ đẹp của người anh hùng Lê Lợi và cuộc kháng chiến của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống giặc Minh.

+ Yếu tố lịch sử trở thành yếu tố cốt lõi để chấp cánh cho trí tưởng tượng, cho những hư cấu trong truyện.

Câu 4: Cách giải thích nguồn gốc tên gọi của hồ Gươm bằng truyền thuyết kể về cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống giặc ngoại xâm mang nhiều ý nghĩa:

- Gợi đến khát vọng của nhân dân về đất nước hòa bình, không có chiến tranh.

- Nhắc nhở mọi người phải nhớ ơn công lao của các vị anh hùng dân tộc có công với đất nước như Lê Lợi...

- Bài học về tinh thần đoàn kết, lòng yêu nước...

Đề bài 04: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

“Sau khi đuổi sạch quân Minh ra khỏi bờ cõi, lên làm vua được khoảng một năm, một hôm Lê Lợi cưỡi thuyền rồng quanh hồ Tả Vọng trước kinh thành. Nhân dịp đó, Long Quân sai Rùa Vàng lên đòi lại thanh gươm thần. Khi chiếc thuyền tiến ra giữa hồ, thì tự nhiên có một con rùa to lớn nhô đầu và mai lên khỏi mặt nước. Theo lệnh vua, thuyền đi chậm lại. Vua đứng trên và nhận thấy lưỡi gươm đeo bên mình cũng đang động đậy. Rùa Vàng không sợ người, nhô đầu cao lên nữa và tiến sát về phía thuyền vua. Nó đứng nổi lên trên mặt nước và nói:

- Bệ hạ hoàn gươm lại cho Long quân! Nghe nói thế, nhà vua bỗng hiểu ra, bèn thò tay rút gươm ra khỏi bao, cung kính cảm tạ thần linh. Chỉ một lát, thanh gươm thần rời khỏi tay vua bay đến phía Rùa Vàng. Nhanh như cắt, Rùa há miệng đón lấy thanh gươm và lặn xuống nước.

Cho đến khi cả gươm và Rùa đã chìm sâu xuống nước, người ta vẫn còn thấy vệt sáng le lói dưới mặt hồ xanh.

Khi thuyền của bá quan tiến kịp thuyền rồng, vua liền báo ngay cho họ biết:

- Đức Long Quân cho chúng ta mượn thanh gươm thần để trừ giặc Minh. Nay đất nước đã thanh bình, Người sai Rùa lấy lại.

Từ đó, hồ bắt đầu được mang tên là Hồ Gươm hay hồ Hoàn Kiếm.”

(Trích Sự tích Hồ Gươm)

Câu 1. Long Quân sai Rùa Vàng lên đòi lại thanh gươm thần trong hoàn cảnh nào?

Câu 2. Em hiểu gì về tên gọi hồ Hoàn Kiếm?

Câu 3. Nêu ý nghĩa của hình ảnh *vệt sáng le lói dưới mặt hồ xanh* sau khi cả gươm và Rùa đã chìm sâu xuống nước.

Câu 4. Có một du khách nước ngoài đến Việt Nam và muốn tìm hiểu về Hồ Gươm. Nếu em là hướng dẫn viên cho du khách đó thì em sẽ giới thiệu những điều gì về địa danh này?

Gợi ý trả lời

Câu 1: Sau khi đuổi sạch quân Minh ra khỏi bờ cõi, lên làm vua được khoảng một năm. Một hôm nhà vua ngự thuyền rồng dạo chơi trên hồ, Long Quân sai Rùa Vàng lên đòi lại gươm.

Câu 2: tên gọi hồ Hoàn Kiếm: nghĩa là hoàn trả lại thanh kiếm. Tên gọi gắn với truyền thuyết Lê Lợi trả gươm báu cho Rùa thần sau cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược.

Câu 3: Ý nghĩa hình ảnh *vệt sáng le lói* phản lại trên mặt hồ:

+ Gợi ra cảnh đẹp, kì ảo và thiêng liêng, tăng thêm chất thơ cho tác phẩm truyện.

+ Đó là ánh hào quang, niềm tự hào về chiến công oanh liệt trong sự nghiệp đánh giặc cứu nước.

Câu 4: HS bày tỏ suy nghĩ của mình.

Có thể nêu: Em sẽ giới thiệu lịch sử tên gọi, đặc điểm quang cảnh của hồ,...

- Hồ Gươm không chỉ là danh lam thắng cảnh đẹp của Hà Nội, nó còn là di tích lịch sử của Việt Nam.

- Trước hết, Hồ Gươm được gắn với truyền thuyết Lê Lợi và khởi nghĩa Lam Sơn được sự giúp đỡ của Đức Long Quân đã giúp nước ta thoát khỏi ách đô hộ của giặc Minh xâm lược. Sự tích trả gươm rùa thần của Lê Lợi đã làm nên cái tên "Hồ Gươm" hay Hồ Hoàn Kiếm.

- Ngày nay, Hồ Gươm cùng với Tháp Rùa, đền Ngọc Sơn, cầu Thê Húc trở thành biểu tượng của thủ đô Hà Nội, là thắng cảnh thu hút khách du lịch trong và ngoài nước.

DẠY THÊM NGỮ VĂN 6 – BỘ KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

...

Viết kết nối:

Viết đoạn văn (từ 5 - 7 câu) về một hình ảnh hay hành động của *Thánh Gióng* đã để lại ấn tượng sâu sắc nhất trong em?

* Nội dung đoạn văn

- Xác định một hình ảnh hay hành động của *Thánh Gióng* đã để lại ấn tượng sâu sắc nhất.

- Bày tỏ cảm xúc chân thực của mình trước hành động, hay hình ảnh đó (VD: Xúc động về tiếng nói đầu tiên của Gióng, hoặc hình ảnh Gióng nhổ tre quật vào lũ giặc...). Lí giải vì sao xúc động (nêu đặc sắc về nghệ thuật, ý nghĩa của chi tiết, liên hệ thực tế HS trải nghiệm...)

* Hình thức đoạn văn

Đoạn văn tham khảo:

VD: Chọn hành động của Gióng: “*Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái, bỗng biến thành một tráng sĩ, oai phong lẫm liệt*”

MĐ: Giới thiệu ấn tượng về hành động của Gióng: “*Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái, bỗng biến thành một tráng sĩ, oai phong lẫm liệt*”

TĐ: Bày tỏ sự xúc động khi đọc đến hành động đó? Lí giải tại sao em xúc động? Liên hệ đến thực tế trải nghiệm của bản thân, ý nghĩa của hành động?

KĐ: Cảm nghĩ về chi tiết được chọn

Đoạn văn tham khảo:

“Thánh Gióng” là một truyền thuyết tiêu biểu của kho tàng văn học dân gian đã ca ngợi, tôn vinh hình tượng Gióng, người anh hùng chống giặc ngoại xâm, trong đó chi tiết kể về sự lớn dậy diệu kì của Thánh Gióng là chi tiết gây ấn tượng. Sinh ra kì lạ, sự lớn lên cũng vô cùng đặc biệt. Gióng lớn dậy khi yêu cầu đánh giặc cứu nước khẩn thiết nhất, giặc Ân đang lâm le bờ cõi nước ta, nhà vua cho người đi tìm người tài giỏi đánh giặc, cứu nước. Hành động của chú bé “*vùng dậy, vươn vai một cái, bỗng biến thành một tráng sĩ, oai phong lẫm liệt*” là một chi tiết kì ảo đặc sắc diễn tả sự lớn dậy phi thường của Gióng. Từ “chú bé” Gióng trở thành một tráng sĩ oai phong lẫm liệt. Hành động vươn vai, cho thấy sự lớn lên của Gióng để đáp ứng được yêu cầu và nhiệm vụ cứu nước. Qua đó thể hiện quan niệm của nhân dân ta về mong ước có một người anh hùng đủ sức mạnh để đáp ứng nhiệm vụ dân tộc đặt ra trong hoàn cảnh cấp thiết. Qua chi tiết ấy, ta thấy được người anh hùng đã mang vẻ đẹp dũng mãnh theo cái nhìn lí tưởng hoá của nhân dân. Chi tiết làm nên sức hấp dẫn cho câu chuyện, lôi cuốn với các bạn nhỏ, ai cũng muốn được như Gióng, nghĩa là lớn nhanh để trở thành người cống hiến sức lực cho đất nước, nhân dân.

Ôn tập văn bản: SƠN TINH, THỦY TINH

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ TRUYỆN “SƠN TINH, THỦY TINH”

Thể loại	Truyện truyền thuyết.
Phương thức biểu đạt chính	Tự sự.
Bố cục văn bản	+ Phần 1: Từ đầu đến “ <i>mỗi thứ một đôi</i> ”. Hùng Vương thứ mười tám kén rể cho con gái. + Phần 2: Tiếp theo đến “ <i>Thần nước đành rút quân</i> ”. Sơn Tinh, Thủy Tinh đến cầu hôn và cuộc giao đấu của hai vị thần. + Phần 3: Còn lại. Sự trả thù hàng năm của Thủy Tinh và sự chiến thắng của Sơn Tinh.
Nhân vật và sự việc:	- Truyền thuyết <i>Sơn Tinh, Thủy Tinh</i> kể về các nhân vật ở thời đại Vua Hùng. - Ngôi kể: ngôi thứ ba - PTBD: tự sự - Nhân vật chính: Sơn Tinh, Thủy Tinh - Sự việc: (1). Vua Hùng tổ chức kén rể. (2)Sơn Tinh, Thủy Tinh đến cầu hôn,cả hai đều tài giỏi (3) Vua Hùng ra điều kiện chọn rể: mang sấm lễ đến trước thì gả con gái cho.. (4) Sơn Tinh đến trước lấy được Mị Nương. (5)Thủy Tinh đến sau tức giận dâng nước đánh Sơn Tinh.

	<p>(6) Hai bên giao chiến hàng tháng trời, cuối cùng Thủy Tinh thua.</p> <p>(7) Hàng năm, Thủy Tinh lại dâng nước đánh Sơn Tinh.</p>
Tóm tắt truyện	<p>Hùng Vương thứ 18 có một cô con gái tên là Mị Nương xinh đẹp, nết na; vua muốn kén cho con một người chồng xứng đáng. Sơn Tinh và Thủy Tinh đến cầu hôn. Hai chàng đều tài năng, Sơn Tinh là chúa vùng non cao, chàng có thể dời núi, lấp biển còn Thủy Tinh lại là chúa vùng nước thẳm, chàng có thể hô mưa. Cả hai ngang sức ngang tài, vua đành ra đưa ra sính lễ thách cưới, ai mang lễ vật đến trước sẽ rước Mị Nương về làm vợ. Sơn Tinh mang lễ vật đến trước, chàng rước Mị Nương về núi. Thủy Tinh đến sau tức giận, hô mưa, gọi gió khiến lũ lụt khắp, đánh Sơn Tinh. Hai bên giao chiến hàng tháng trời, cuối cùng Thủy Tinh thua. Nhớ mối thù, hàng năm Thủy Tinh dâng nước tấn công nhưng đều thảm bại.</p>
Nghệ thuật	<ul style="list-style-type: none"> - Các sự việc được kết nối với nhau bằng chuỗi quan hệ nguyên nhân- kết quả: nhân vật có nhiều nhiều đặc điểm kì lạ, có dấu vết của nhân vật thần thoại. - Lời kể có nhiều chi tiết hoang đường kì ảo, xây dựng bằng trí tưởng tượng.
Ý nghĩa	<ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định, ngợi ca quyết tâm, sức mạnh, ước mơ của nhân dân ta trong việc đắp đê ngăn lũ ở lưu vực sông Đà, sông Hồng để bảo vệ sinh mệnh, nguồn sống của nhân dân - Giải thích hiện tượng thiên nhiên thời tiết mưa gió vào tháng 7,8 hàng năm.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH VĂN BẢN

1. Dàn ý

1.1. Nêu vấn đề:

- Giới thiệu chủ đề: Truyền thuyết không chỉ là nơi các tác giả dân gian gửi gắm những khát vọng về những lễ công bằng, về những mẫu hình lí tưởng của người anh hùng dân tộc chống ngoại xâm, người anh hùng văn hóa. Truyền thuyết còn là nơi mà các tác giả dân gian giải thích các truyền thống, các phong tục tập quán cũng như những đặc điểm tự nhiên trong cuộc sống thiên tai, thời tiết.
- Giới thiệu về truyền thuyết “Sơn Tinh, Thủy Tinh”: Truyền thuyết “Sơn Tinh, Thủy Tinh” là một câu chuyện như thế. Qua câu chuyện về Sơn Tinh và Thủy Tinh, các tác giả đã lí giải về hiện tượng lũ lụt, cũng như qua đó thể hiện được sức mạnh cũng như khát vọng của người dân trong cuộc chiến với thiên nhiên

a. Giải quyết vấn đề

1.Cốt truyện và nhân vật

a. Vua Hùng kén rể:

Sự xuất hiện của Sơn Tinh và Thủy Tinh gắn liền với một sự kiện, đó là lễ kén rể của vua Hùng “ Hùng Vương thứ mười tám có một người con gái tên là Mị Nương, người đẹp như hoa, tính nết dịu hiền....muốn kén cho một người chồng thật xứng đáng”

Đây là mô típ quen thuộc thường thấy trong truyện dân gian, tạo sức hấp dẫn, niềm tin nơi người đọc. Đặc trưng về văn hóa của dân tộc ta dưới thời các vua Hùng, đó là tục thách cưới. Điều này được đan cài vào câu chuyện, cho câu chuyện một sự hấp dẫn đến lạ kì. Phong tục văn hóa và truyền thống chinh phục tự nhiên của người Việt được thể hiện một cách tài tình. Ngay sau đó là sự xuất hiện của hai nhân vật chính Sơn Tinh, Thủy Tinh.

b. Cuộc so tài của Sơn Tinh, Thủy Tinh.

b1. Sự xuất hiện và tài năng của Sơn Tinh, Thủy Tinh.

- Sơn Tinh: ở vùng núi Tản Viên có tài lạ “*vẫy tay về phía đông phía đông nổi cồn bãi, vẫy tay về phía tây phía tây mọc lên từng dãy núi đồi*”.

- Thủy Tinh: ở miền biển, tài “*gọi gió gió đến, hô mưa mưa về*”.

=> Những chi tiết kì ảo cho thấy:

+ cả hai đều ngang tài ngang sức. Họ đều tài năng phi thường, thần kì, đều xứng đáng; Tạo sức hấp dẫn cho truyện.

+ Tài năng của Sơn Tinh mang tính phát triển, tài năng của Thủy Tinh mang sự huỷ diệt (bão, lũ lụt).

b2. Cuộc thi tài

- Thi tài dâng lễ vật sớm: chỉ trong 1 ngày ai dâng lễ vật trước sẽ được chọn

- Lễ vật : “*100 ván cơm nếp , 100 nệp bánh chưng, voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao*”.

- Lễ vật có lợi cho Sơn Tinh. Vì đó là các sản vật nơi rừng núi thuộc Sơn Tinh cai quản. Vua Hùng nghiêng về phía Sơn Tinh vì nhận ra sức tàn phá của Thủy Tinh. Đồng thời ngài tin vào sức mạnh của Sơn Tinh có thể chiến thắng Thủy tinh, bảo vệ cuộc sống bình yên cho nhân dân

b3. Kết quả: Sơn Tinh mang lễ đến trước, lấy được Mị Nương làm vợ, Thủy tinh đến sau nên thua cuộc.

2. Ý nghĩa

a. Hình tượng người anh hùng Sơn Tinh trong cuộc giao tranh

- Nguyên nhân: Thủy Tinh không lấy được vợ nên trả thù => Hai nhân vật giao tranh vì lí do cá nhân.

- Cuộc giao tranh quyết liệt:

+ Sức mạnh của Thủy Tinh **tạo ra thảm họa thiên tai, sức mạnh hủy diệt mọi sự sống**: *hồ mưa, gọi gió, dông bão, rung chuyển cả đất trời; nước ngập ruộng đồng, nhà cửa, Thành Phong Châu như nổi lên trên một biển nước;*

+ *Chống trả của Sơn Tinh: Bình tĩnh, quả cảm, nghị lực "không hề nao núng"; bốt từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy, ngăn nước"* Sơn Tinh chống lại Thủy Tinh không vì mình mà vì nhân dân, bảo vệ sinh mệnh của cộng đồng trước thiên tai.

- Kết quả: Sơn Tinh chiến thắng, Thủy Tinh chịu thua, phải rút quân

b. Ý nghĩa

- Hai nhân vật đều là **tượng tượng, hư cấu, mang ý nghĩa biểu trưng**:

+ Thủy Tinh là biểu trưng cho sức mạnh của nước, lũ lụt được hình tượng hóa.

+ Sơn Tinh biểu trưng cho đất, cho núi, là sức mạnh, khả năng, ước mơ của nhân dân được hình tượng hóa.

+ Chiến thắng của Sơn Tinh là chiến thắng của cộng đồng, của nhân dân.

+ Khẳng định, ngợi ca quyết tâm, sức mạnh, ước mơ của nhân dân ta trong việc đắp đê ngăn lũ ở lưu vực sông Đà, sông Hồng để bảo vệ sinh mệnh, nguồn sống của nhân dân

+ Sơn Tinh là người anh hùng của nhân dân.

3. Chi tiết hoang đường kì ảo:

* Chi tiết hoang đường kì ảo:

- Chi tiết kể về tài năng của Sơn Tinh, Thủy Tinh.

+ Sơn Tinh: *"Vẫy tay về phía đông...mọc lên từng dãy núi đồi"*.

+ Thủy Tinh: *"hồ mưa, gọi gió, làm thành dông bão"*.

- Chi tiết về lễ vật thách cưới của vua Hùng.

- Chi tiết chống trả của Sơn Tinh: *"Bốt từng quả đồi, dời từng dãy núi"; "Nước cao lên bao nhiêu thì đồi núi cao lên bấy nhiêu"*

* Ý nghĩa:

- Nhấn mạnh tài năng của hai vị thần. Đặc biệt, ca ngợi tài năng, sức mạnh, ý chí của người anh hùng Sơn Tinh trong việc chống lũ lụt.

- Thể hiện ước mơ của nhân dân trong việc chế ngự thiên tai, bảo vệ cuộc sống

4. Các chi tiết liên quan đến sự thật

a. Bối cảnh câu chuyện

- Thời gian: thời Hùng Vương thứ mười tám.

- Địa danh cụ thể, xác định: được nhắc đến Thành Phong Châu xưa nơi vua Hùng đóng đô; Sơn Tinh chính là thần núi Tản Viên (Ba Vì) địa bàn sinh sống của người Việt cổ.

- Nhân dân ta từ xưa có nghề trồng lúa nước, thường xuyên phải chống lũ lụt vào tháng 7,8

=>Làm cho câu chuyện được kể tăng thêm tính xác thực, tạo niềm tin thiêng liêng cho mọi người

b. Giải thích hiện tượng thiên nhiên

- Do oán nặng thù sâu mà hàng năm Thủy Tinh dâng nước đánh Sơn Tinh, khiến cho nước ngập khắp mọi nơi, gây ra lũ lụt.

Nghệ thuật: Lấy chuyện có thật (hiện tượng lũ lụt vào tháng 7,8) để lồng trong lời kể.

=>Tô đậm tính xác thực, đưa người đọc từ thế giới hư cấu mơ hồ trở về đời sống thực, nhắc nhở về những hiện tượng thường diễn ra, để trân quý công lao của cha ông.

1.3. Đánh giá khái quát

a. Nghệ thuật:

- Các sự việc được kết nối với nhau bằng chuỗi quan hệ nguyên nhân- kết quả.

- Có nhiều chi tiết hoang đường kì ảo, xây dựng bằng trí tưởng tượng .

b. Nội dung, ý nghĩa:

- Khẳng định, ngợi ca quyết tâm, sức mạnh, ước mơ của nhân dân ta trong việc đắp đê ngăn lũ ở lưu vực sông Đà, sông Hồng để bảo vệ sinh mệnh, nguồn sống của nhân dân

- Giải thích hiện tượng thiên nhiên thời tiết mưa gió vào tháng 7,8 hàng năm.

***Cảm nhận của bản thân về truyền thuyết “Sơn Tinh, Thủy Tinh”.**

Đề số 1:

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“Thủy Tinh đến sau, không lấy được vợ, dùng dùng nổi giận, đem quân đuổi theo đòi cướp mị Nương. Thần hô mưa, gọi gió, làm thành dông bão là rung chuyển cả đất trời, dâng nước sông lên cuồn cuộn đánh Sơn Tinh. Nước ngập ruộng đồng, nước tràn nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, sườn núi, thành Phong Châu như nổi lên trên một biển nước.

Sơn Tinh không hề nao núng. Thần dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy đất, ngăn chặn dòng nước lũ. Nước sông dâng lên cao bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu. Hai bên đánh nhau ròng rã mấy tháng trời, cuối cùng Sơn Tinh vẫn vững vàng mà sức Thủy Tinh đã kiệt. Thần Nước đành rút quân.

Từ đó, oán nặng, thù sâu, hằng năm Thủy Tinh làm mưa gió, bão lũ dâng nước đánh Sơn Tinh. Nhưng năm nào cũng vậy, vị Thần Nước đánh mỗi một, chán chê vẫn không thắng nổi Thần Núi để cướp Mị Nương, đành rút quân về.”

(Trích Sơn Tinh, Thủy Tinh)

DẠY THÊM NGỮ VĂN 6 – BỘ KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Câu 1: Đoạn văn trên được trích từ tác phẩm nào? Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn là gì?

Câu 2: Vì sao văn bản được xếp theo thể loại truyền thuyết?

Câu 3: Lời kể trùng điệp (nước ngập..., nước ngập..., nước dâng...) gây được ấn tượng gì cho

Câu 4: Để phòng chống thiệt hại do lũ lụt gây ra, theo em chúng ta cần làm gì?

Gợi ý trả lời:

Câu 1: Tác phẩm: “Sơn Tinh, Thủy Tinh”

Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn: Tự sự

Câu 2:

- Vì có liên quan đến nhân vật và sự kiện lịch sử:

+ Nhân vật: Vua Hùng, Mị Nương

+ Sự kiện: chống lại thiên tai, bão lũ, đắp đê trị thủy của nhân dân ta ở vùng đồng bằng sông Hồng thời xa xưa.

- Lời kể có chi tiết hư cấu, kì ảo: Thủy Tinh hô mưa, gọi gió, làm thành dông bão, dâng nước đánh Sơn Tinh; Sơn Tinh bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi.

Câu 3: Lời kể trùng điệp (nước ngập..., nước ngập..., nước dâng...) gây được ấn tượng gì cho người đọc

- Lời kể trùng điệp tạo cảm giác tăng dần mức độ của hành động, dồn dập cảm xúc, gây ấn tượng mạnh, dữ dội về kết quả của hành động trả thù của Thủy Tinh, theo đúng mạch truyện.

Câu 4:

Để phòng chống thiệt hại do lũ lụt gây ra, theo em chúng ta cần:

- Chủ động, có ý thức chuẩn bị khi thiên tai xảy ra.

- Trồng thêm nhiều cây xanh, bảo vệ rừng đầu nguồn.

- Tuyên truyền để mọi người cùng có ý thức bảo vệ môi trường sống.

- Kiên quyết xử lí những hành vi gây tổn hại môi trường.

- Tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường ở nơi sinh sống.

Đề số 2: Đọc đoạn văn trên (ở đề 1) và trả lời câu hỏi:

Câu 1: Liệt kê chi tiết hoang đường kì ảo trong đoạn văn ?

Câu 2: Ý nghĩa của hình tượng Sơn Tinh, Thủy Tinh.

Câu 3: Hình ảnh Sơn Tinh “không hề nao núng, bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi” em có liên tưởng đến những hình ảnh nào trong thực tế cuộc sống ?

Câu 4: Nêu một số tác hại của hiện tượng thiên nhiên cực đoan ở nơi em sống?

Gợi ý:

Câu 1: Chi tiết hoang đường kì ảo trong đoạn văn:

DẠY THÊM NGỮ VĂN 6 – BỘ KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

- Thủy Tinh: hô mưa, gọi gió, làm thành dông bão là rung chuyển cả đất trời, dâng nước sông lên cuộn cuộn đánh Sơn Tinh.

- Sơn Tinh: dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy đất, ngăn chặn dòng nước lũ. Nước sông dâng lên cao bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu.

Câu 2: Ý nghĩa của hình tượng Sơn Tinh, Thủy Tinh.

- Thủy Tinh là biểu trưng cho sức mạnh của nước, lũ lụt, thiên tai được hình tượng hóa.

- Sơn Tinh biểu trưng cho đất, cho núi, là sức mạnh, khả năng, ước mơ của nhân dân được hình tượng hóa. Sơn Tinh là biểu trưng cho nhân dân ta trong việc đắp đê ngăn lũ ở lưu vực sông Đà, sông Hồng để bảo vệ sinh mệnh, nguồn sống của nhân dân

Câu 3: Hình ảnh Sơn Tinh “không hề nao núng, bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi” em có liên tưởng đến những hình ảnh trong thực tế cuộc sống ngày nay:

- Hình ảnh con người chống trời lại mưa lũ, hạn hán, bão lũ: xây nhà chống lũ, di chuyển khi có thiên tai, cứu trợ giúp đỡ đồng bào khi họ gặp khó khăn trong mùa mưa lũ, hạn hán.

- Những chiếc thuyền cứu trợ đồng bào khi mắc kẹt trong lũ của các anh bộ đội, các bác cán bộ...

- Những máy xúc máy ủi làm việc ngày đêm để ngăn chặn dòng nước lũ.

- Những héc ta rừng được trồng mới để hạn chế mưa lũ...

Câu 4: Một số tác hại của hiện tượng thiên nhiên cực đoan ở nơi em sống:

- Hiện tượng bão gió mạnh, liên tiếp trong tháng 7,8 âm lịch gây hậu quả nặng nề cho hoa màu, nuôi trồng thủy sản, thậm chí cả tính mạng người dân.

- Hiện tượng nắng hạn kéo, mưa đá, giông lốc bất thường hoặc dài gây hại cho cây trồng và con người.

- Hiện tượng mưa rét kéo dài, nhiệt độ xuống thấp kỉ lục khiến sinh hoạt và sản xuất của nhân dân bị ảnh hưởng lớn.

....

Một số đề đọc hiểu ngoài SGK:

Đề số 3 Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“Ngày xưa, ở miền đất Lạc Việt, cứ như bây giờ là Bắc Bộ nước ta, có một vị thần thuộc nòi rồng, con trai thần Long Nữ, tên là Lạc Long Quân. Thần mình rồng, thường ở dưới nước, thỉnh thoảng lại lên cạn, sức khỏe vô địch, có nhiều phép lạ. Thần giúp dân diệt trừ Ngự Tinh, Hồ Tinh, Mộc Tinh những loài yêu quái làm hại dân lành. Thần dạy dân cách trồng trọt, chăn nuôi và cách ăn ở. Xong việc, thần thường về thủy cung với mẹ, khi có việc cần thần mới hiện lên.

Bấy giờ ở vùng đất cao phương Bắc, có nàng Âu Cơ thuộc dòng họ Thần Nông, xinh đẹp tuyệt trần. Nghe tiếng vùng đất Lạc có nhiều hoa thơm cỏ lạ, nàng bèn tìm đến thăm. Âu Cơ và Lạc Long Quân gặp nhau, đem lòng yêu nhau rồi trở thành vợ chồng, cùng chung sống ở trên cạn ở cung điện Long Trang.

[...]

Người con trưởng được tôn lên làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương, đóng đô ^[5] ở đất Phong Châu, đặt tên nước là Văn Lang. Triều đình có tướng văn, tướng võ, con trai vua gọi là quan lang, con gái vua gọi là mị nương, khi cha chết thì được truyền ngôi cho con trưởng, mười mấy đời truyền nối ngôi vua đều lấy danh hiệu Hùng Vương, không hề thay đổi.

Cũng bởi sự tích này mà về sau, người Việt Nam ta con cháu vua Hùng, thường nhắc đến nguồn gốc của mình là [con Rồng cháu Tiên](#).”

(Trích truyện thuyết Con Rồng, cháu Tiên)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn?

Câu 2: Lạc Long Quân đã có những hành động nào để giúp dân?

Câu 3: Lời kể nào trong đoạn truyện có hàm ý rằng câu chuyện đã thực sự xảy ra trong quá khứ? Nhận xét về ý nghĩa của lời kể đó?

Câu 4: Em thấy mình có trách nhiệm gì trong cuộc sống để bảo vệ và phát huy nguồn gốc cao quý của dân tộc?

Gợi ý trả lời:

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

Câu 2: Lạc Long Quân đã có những hành động để giúp dân:

- Thần giúp dân diệt trừ Ngư Tinh, Hồ Tinh, Mộc Tinh những loài yêu quái làm hại dân lành. -
- Thần dạy dân cách trồng trọt, chăn nuôi và cách ăn ở.

Câu 3:

- Lời kể nào trong đoạn truyện có hàm ý rằng câu chuyện đã thực sự xảy ra trong quá khứ: Người con trưởng được tôn lên làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương, đóng đô ^[5] ở đất Phong Châu, đặt tên nước là Văn Lang. Triều đình có tướng văn, tướng võ, con trai vua gọi là quan

DẠY THÊM NGỮ VĂN 6 – BỘ KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

lang, con gái vua gọi là mị nương, khi cha chết thì được truyền ngôi cho con trưởng, mười mấy đời truyền nối ngôi vua đều lấy danh hiệu Hùng Vương, không hề thay đổi

Nhận xét về ý nghĩa của lời kể đó:

- + Tạo niềm tin, làm tăng tính xác thực cho câu chuyện kể về nguồn gốc của người Việt Nam
- + Chúng ta tự hào về nguồn gốc cao quý, ra sức mạnh, tinh thần đoàn kết, yêu thương cho dân tộc.
- + Làm tăng thêm vẻ đẹp kì lạ thiêng liêng cho lịch sử dựng nước (nhà nước Văn Lang, các triều đại vua Hùng), địa danh (Phong Châu)

Câu 4: Em thấy mình có trách nhiệm gì trong cuộc sống để bảo vệ và phát huy nguồn gốc cao quý của dân tộc ?

Theo em, mỗi chúng ta cần làm gì để gìn giữ và phát huy nguồn gốc cao quý của người Việt trong thời đại ngày nay ?

- Cần rèn luyện những phẩm chất cao đẹp của người Việt như: nhân ái, đoàn kết, tự lực tự cường...
- Cần chăm chỉ học tập để trau dồi kiến thức để làm chủ cuộc sống, góp phần đất nước giàu đẹp.
- Cần rèn luyện sức khỏe, kĩ năng, thói quen tốt để đáp ứng mọi yêu cầu trong thời kì mới.

....

Đề số 4 Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“...Về phần Vua Hùng, từ ngày đầy cả gia đình An Tiêm ra đảo hoang, vua luôn nghĩ rằng An Tiêm đã chết rồi, đôi khi nghĩ tới vua cũng bùi ngùi thương xót. Cho đến một ngày, được thị thần dâng lên quả dưa lạ, vua ăn thấy rất ngon miệng bèn hỏi xem ai đã trồng ra giống dưa này. Biết được An Tiêm trồng, vua rất vui mừng cho quan lính đem thuyền ra đón cả gia đình An Tiêm trở về nhà. An Tiêm rất mừng rỡ, thu lượm hết những quả dưa chín đem về tặng cho bà con lối xóm. Còn một số quả An Tiêm giữ lại lấy hạt để gieo trồng. Đó chính là nguồn gốc giống dưa hấu mà chúng ta vẫn ăn ngày nay.

Về sau khắp nước ta đều có giống dưa hấu. Nhưng người ta nói chỉ có huyện Nga Sơn là trồng được những quả ngon hơn cả, vì nơi ấy xa là hòn đảo An Tiêm ở, trải qua mấy nghìn năm nước cạn, cát bồi nay đã liền vào với đất.”

(Trích truyện thuyết Mai An Tiêm)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt của văn bản trên?

Câu 2: Truyền thuyết giải thích nguồn gốc quả dưa hấu gắn với nhân vật và địa danh nào?

DẠY THÊM NGỮ VĂN 6 – BỘ KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Câu 3: Vì sao vua Hùng “*rất vui mừng cho quan lính đem thuyền ra đón cả gia đình An Tiêm trở về nhà*” sau khi đã đẩy họ ra đảo ?

Câu 4: Hãy thử tưởng tượng, nếu rơi vào hoàn cảnh khó khăn, bế tắc, em sẽ làm gì?

Gợi ý:

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt của đoạn văn bản trên: Tự sự

Câu 2: Truyền thuyết giải thích nguồn gốc quả dưa hấu gắn với người anh hùng Mai An Tiêm và địa danh huyện Nga Sơn (Thanh Hóa).

Câu 3: Việc vua Hùng “*rất vui mừng cho quan lính đem thuyền ra đón cả gia đình An Tiêm trở về nhà*” sau khi đã đẩy họ ra đảo vì:

+ Khi vua được thị thần dâng lên quả dưa lạ, vua ăn thấy rất ngon miệng bèn hỏi xem ai đã trồng ra giống dưa này. Biết được An Tiêm trồng.

+ Nhà vua nhận ra sai lầm của mình, đồng thời vua trân trọng, khâm phục giá trị của tinh thần tự lực, tự cường, biết vượt lên hoàn cảnh, chăm chỉ lao động của Mai An Tiêm.

Câu 4: HS biết đặt mình vào hoàn cảnh khó khăn, bế tắc và chia sẻ hướng giải quyết.

HS đưa ra cách giải quyết khó khăn nếu thuyết phục là cho điểm. GV cần linh hoạt để đánh giá kĩ năng giải quyết vấn đề của HS:

Gợi ý: Nếu chẳng may rơi vào hoàn cảnh khó khăn, em cần bình tĩnh, không được hoang mang sợ hãi. Tìm cách giải quyết khó khăn như tìm người giúp, chủ động, tập suy nghĩ theo hướng tích cực, tập thích nghi với khó khăn, tuyệt đối không được bi quan...

Viết kết nối:

Câu 1. Đọc đoạn thơ của Nguyễn Nhược Pháp (SGK Tr 13 và những thông tin về các nhân vật trong truyện, hãy tưởng tượng về ngoại hình Sơn Tinh, Thủy Tinh. Viết đoạn văn (từ 5 - 7 câu) ghi lại tưởng tượng của em? (có thể cho về nhà)

Gợi ý: Viết đoạn văn:

* Nội dung đoạn văn

- Xác định tưởng tượng về ngoại hình Sơn Tinh, Thủy Tinh.

- Miêu tả kết hợp tự sự, biểu cảm: Khuôn mặt, vóc dáng, của chỉ, trang phục, ...của mỗi nhân vật theo trí tưởng tượng của HS. Cần hướng tới ngoại hình khác biệt giữa Sơn Tinh

DẠY THÊM NGỮ VĂN 6 – BỘ KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

và Thủy Tinh. Sơn Tinh mang vẻ uy nghi, thiện lành. Thủy Tinh hùng dũng nhưng vẫn tạo cảm giác gian ác...

* Hình thức đoạn văn.

Đoạn văn tham khảo:

Trong cơn mưa giông lớn, những trận mưa như trút, sấm sét đùng đoàng, trước mắt tôi Thủy Tinh cao lớn đang gào thét. Khuôn mặt thần đỏ ngầu, đôi mắt quắc lên, râu xanh quăn rì. Thủy Tinh người ngồi trên lưng một con sóng khổng lồ. Còn Sơn Tinh mắt sáng rực, vóc dáng thanh cao, khuôn mặt chữ điền, thần vừa cười hồ phi đến. Từ đằng xa, Sơn Tinh dáng đứng uy nghi, vừng vàng, thần trở tay bốc từng quả đồi để dân có chỗ đứng. Tay ngài cầm ngọn giáo lớn, rẽ nước cứu dân. Ngài đưa từng đoàn người lên đỉnh núi cao tránh lũ.

Câu 2. Cảm nhận của em về một chi tiết mà em ấn tượng nhất trong truyền thuyết Sơn Tinh, Thủy Tinh.

VD: HS chọn chi tiết: “*Nước sông dâng lên cao bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu*”

MĐ: HS giới thiệu chi tiết ấn tượng.

TĐ:

+ Nêu vị trí, hoàn cảnh xuất hiện chi tiết.

+ Lí giải sức hấp dẫn của chi tiết : nghệ thuật đặc sắc ở chi tiết đó, tác dụng, ý nghĩa của chi tiết đối với câu chuyện được kể? Cảm xúc của bản thân?

KB: Cảm nghĩ về chi tiết với ý nghĩa của câu chuyện.

Đoạn văn tham khảo:

Truyện “Sơn Tinh, Thủy Tinh” là một truyền thuyết hấp dẫn tái hiện công cuộc đắp đê, trị thủy, bảo vệ mùa màng của người Việt cổ, trong đó, ấn tượng nhất là chi tiết: “*Nước sông dâng lên cao bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu*”. Chi tiết tái hiện sinh động cuộc chiến đấu của Sơn Tinh chống lại Thủy Tinh khi Thủy Tinh tạo ra thiên tai, lũ lụt để đòi cướp Mị Nương. Từ cuộc giao đấu để cướp dâu, chúng ta nhận thấy sức mạnh ghê gớm, dữ dội của thiên nhiên, thiên nhiên khi hung dữ đã có sức mạnh hủy diệt. Đồng thời cũng ở chi tiết ấy, ta cảm nhận được ý chí quyết tâm, tinh thần đoàn kết, lòng quả cảm của con người trong công cuộc chống chọi với thiên tai, bảo vệ cuộc sống. Đây là chi tiết hoang đường kì ảo, kể bằng trí tưởng tượng của tác giả dân gian. Hình tượng Sơn Tinh vừng vàng, cam đảm, bình tĩnh dâng cao núi đồi là tượng trưng cho chính sức mạnh của con người. Chi tiết này kể rất cô đọng nhưng chứa đựng niềm cảm phục, tự hào của tác giả dân gian về khả năng chế ngự thiên nhiên của cha ông. Chi tiết giúp chúng ta hiểu sâu sắc ý nghĩa của câu chuyện, hiểu được ước mơ, khát vọng của con người trong công cuộc phòng chống thiên tai, xây dựng cuộc sống.

Ôn tập VB: **Ai ơi mừng 9 tháng 4**

ANH THƯ

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ VB “AI ƠI MỪNG 9 THÁNG 4”

Xuất xứ	Tác giả: Anh Thư Theo Báo điện tử Hà Nội mới, ngày 07/4/2004
Phương thức biểu đạt chính	Thuyết minh
- Sự kiện được thuật lại	Lễ hội Gióng hay còn gọi là hội làng Phù Đổng, - Các yếu tố nhận biết: + Cung cấp thông tin chính xác về thời gian, địa điểm, diễn biến của hội, ý nghĩa của hội Gióng. + Trình bày sự việc theo trình tự thời gian. - Ngôi tường thuật: thứ ba
Bố cục văn bản	Văn bản chia làm 3 phần + Phần 1: Từ đầu đến “ <i>đồng bằng Bắc Bộ</i> ”: giới thiệu về hội Gióng + Phần 2: Tiếp theo đến “ <i>viên hầu cận</i> ”: Tiến trình hội Gióng + Phần 3: Còn lại: Ý nghĩa của hội Gióng
Nghệ thuật	- Bài văn thuyết minh một sự kiện ngắn gọn, theo trình tự thời gian.

DẠY THÊM NGỮ VĂN 6 – BỘ KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

	- Ngôn ngữ giản dị, rõ ràng, có hàm lượng thông tin cao
Ý nghĩa	- Lễ hội Gióng mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, là di sản tinh thần vô giá của dân tộc cần được bảo tồn, giữ gìn và phát huy. - Lễ hội là biểu tượng cho ý chí chống giặc ngoại xâm, cho bản chất kiên cường bất khuất, khát vọng hòa bình của dân tộc, gợi nhắc truyền thống lịch sử oai hùng của cha ông.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH VĂN BẢN

1. Dàn ý

1.1. Nêu vấn đề:

- Giới thiệu VB: nguồn gốc, xuất xứ, chủ đề VB, khái quát nghệ thuật, nội dung của VB “Ai ơi mùng 9 tháng 4”

1.2 Giải quyết vấn đề:

1. Giới thiệu về hội Gióng

- Tên: lễ hội Gióng
- Thời gian: 9/4 âm lịch
- Địa điểm: xã Phù Đổng – Gia Lâm - Hà Nội
- Bối cảnh: có mưa, mưa dông.
- Vai trò: là lễ hội lớn nhất của vùng đồng bằng Bắc Bộ.

Cách dẫn dắt: đi từ câu ngạn ngữ có tính chất đúc rút kinh nghiệm, bài học dân gian quý giá để vừa giới thiệu về lễ hội, vừa tạo sắc thái trang nghiêm, ấn tượng về hội Gióng.

2. Tiến trình hội Gióng

a. Các địa điểm diễn ra hội Gióng:

- + Cổ Viên : vườn cà của mẹ Thánh Gióng
- + Miếu Ban: nơi Thánh Gióng được sinh ra.
- + Đền Mẫu (đền Hạ): nơi thờ mẹ Thánh Gióng.
- + Đền Thượng: nơi phụng thờ Thánh

+ Cách giới thiệu không gian lễ hội theo trình tự lần lượt từ ngoài vào trong: từ Cố Viên=>Miếu Ban => Đền Mẫu => Đền Thượng: người đọc hình dung được hội Gióng diễn ra **trên một khu vực rộng với những dấu vết còn lại của Gióng.**

+ **Mỗi địa điểm gọi đến dấu tích trong truyền thuyết Thánh Gióng:** vườn cà, dấu chân ông Đống, ... Gợi lên mối liên hệ giữa đời thực và thế giới hư vô, thiêng liêng và trần thế.

b. Tiến trình hội Gióng

- Thời gian

+ Chuẩn bị: 1/3 đến 5/4.

+ Hội bắt đầu: 6/4 đến 12/4. Chính hội là 9/4

- Sự kiện:

+ Mồng 6: lễ rước cờ tới đền Mẫu, rước cơm chay lên đền Thượng

+ Mồng 8: rước nước

+ Mồng 9: chính hội, có múa hát thờ, hội trận và khao quân

+ Mồng 10: lễ duyệt quân, tạ ơn Thánh

+ Ngày 11,12: lễ rửa khí giới và lễ rước cờ báo tin thắng trận.

- Người tham gia: dân làng

- Hình ảnh, hoạt động có ý nghĩa tượng trưng:

++ Lễ rước nước từ đền Hạ về đền Thượng, ngày mồng 8, tượng trưng cho việc tôi luyện khí giới trước khi đánh giặc

++ Hội trận mô phỏng cảnh Thánh Gióng đánh giặc

++ có 28 cô tướng trang phục đẹp tượng trưng cho 28 đạo quân thù.

++ 80 phù giá lưng đeo túi dết, chân quấn xà cạp là quân ta.

++ dăm ba bé trai cầm roi rồng là đạo quân mục đồng

++ Có ông Hồ, ông Trống, ông Chiêng, ba viên Tiểu Hồ

++ dân làng xin lộc tượng trưng cầu may

++ Ngày 12 là lễ rước cờ tượng trưng cho báo tin thắng trận với đất trời.

Nhận xét: Các thông tin được chọn lựa chính xác, tiêu biểu, sắp xếp theo trình tự thời gian, không gian. Tác giả tái hiện sinh động, chân thực lễ hội Gióng. Lễ hội Gióng là một hình thức văn hóa dân gian giàu bản sắc, giàu triết lí nhân sinh. Tác giả bộc lộ cảm xúc tự hào, tôn kính, trân trọng, biết ơn với truyền thống văn hóa dân tộc.

c. Ý nghĩa:

Lễ hội Gióng là một di sản vô giá của văn hóa dân tộc, giúp chúng ta có thể cảm nhận được mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, thực tại và hư vô, linh thiêng và trần thế...

- Cần được bảo tồn, gìn giữ và phát huy.

1.3 Đánh giá khái quát

a. Nghệ thuật:

- Bài văn thuyết minh một sự kiện ngắn gọn, theo trình tự thời gian.

- Ngôn ngữ giản dị, rõ ràng, có hàm lượng thông tin cao

b. Nội dung, ý nghĩa:

- Lễ hội Gióng mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, là di sản tinh thần vô giá của dân tộc cần được bảo tồn, giữ gìn và phát huy.

- Lễ hội là biểu tượng cho ý chí chống giặc ngoại xâm, cho bản chất kiên cường bất khuất, khát vọng hòa bình của dân tộc, gợi nhắc truyền thống lịch sử oai hùng của cha ông.

*Cảm nhận của bản thân về VB “Ai ơi mùng 9 tháng 4”.

II. THỰC HÀNH ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN

Đề số 1: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi

(1) Từ xưa, người Kẻ Chợ có câu ngạn ngữ: “Nắng ông Từa, mưa ông Gióng”. Có nghĩa là cứ vào ngày hội thánh Từa (tức Từ Đạo Hạnh) mùng 7 tháng 3 âm lịch thì thế nào cũng nắng to, còn vào hội thánh Gióng, mùng 9 tháng 4 âm lịch thì có mưa, vì bắt đầu mùa mưa đông. Lễ hội Thánh Gióng hay còn gọi là hội làng Phù Đổng là một trong những lễ hội lớn nhất ở khu vực đồng bằng Bắc Bộ.

(2) Lễ hội Gióng diễn ra trên một khu vực rộng lớn xung quanh những vết tích còn lại của Thánh Gióng tại quê hương. Cổ Viên, tức vườn cũ, nay ở giữa đồng thôn Đồng Viên, tương

truyền là vườn cà của mẹ Gióng, tại đây bà đã dẫm phải vết chân ông Đổng, tảng đá có dấu chân thần cũng ở vườn này. Miếu Ban, thuộc thôn Phù Dực, tên cũ là rừng Trại Nòn, là nơi Thánh được sinh ra. Hiện tại sau toà miếu còn có một ao nhỏ, giữa ao có gò nổi, trên gò có một bể con bằng đá tượng trưng cho bồn tắm và một chiếc liềm bằng đá là dụng cụ cắt rốn người anh hùng. Đền Mẫu (còn gọi là đền Hạ), nơi thờ mẹ Gióng, xây ở ngoài đê. Đặc biệt, đền Thượng là nơi thờ phụng Thánh vốn được xây cất từ vị trí ngôi miếu tương truyền có từ thời Hùng Vương thứ sáu, trên nền nhà cũ của mẹ Thánh. Trong đền có tượng Thánh, sáu tượng quan văn, quan võ chầu hai bên cùng hai phỗng quỳ và bốn viên hầu cận.

(Trích Ai ơi mùng 9 tháng 4, Anh Thơ)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn bản.

Câu 2: Đoạn văn trên cung cấp thông tin về sự kiện gì, diễn ra ở đâu?

Câu 3: Lễ hội Gióng được nhân dân tổ chức hàng năm có ý nghĩa gì?

Câu 4: Tham gia lễ hội văn hóa là nét đẹp của người Việt. Theo em, mỗi chúng ta khi tham gia các lễ hội cần có ứng xử (về thái độ, hành vi, lời nói...) như thế nào cho phù hợp?

Gợi ý câu trả lời:

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn bản: thuyết minh

Câu 2: Đoạn văn trên cung cấp thông tin về sự kiện : lễ hội Gióng ở ở làng Phù Đổng (làng Gióng) tại huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Câu 3: Lễ hội Gióng được nhân dân tổ chức hàng năm có ý nghĩa:

- Lễ hội Gióng mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, là di sản tinh thần vô giá của dân tộc cần được bảo tồn, giữ gìn và phát huy.

- Lễ hội là biểu tượng cho ý chí chống giặc ngoại xâm, cho bản chất kiên cường bất khuất, khát vọng hòa bình của dân tộc, gợi nhắc truyền thống lịch sử oai hùng của cha ông.

- Lễ hội giúp mỗi người cảm nhận được mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, thực tại và hư vô, linh thiêng và trần thế...

Câu 4.

Mỗi người khi tham gia các lễ hội cần có lối ứng xử có văn hoá, biểu hiện cụ thể như:

- Thái độ: Tôn trọng giá trị văn hoá truyền thống, tôn trọng sự khác biệt văn hoá vùng miền, tôn trọng nội quy ban tổ chức,...

- Hành vi, lời nói: Có hành vi và lời nói đúng chuẩn mực, đúng pháp luật, đúng chuẩn mực đạo đức xã hội...; không có những hành vi phản cảm (như không ăn mặc quần áo quá ngắn khi đến chùa chiền; không nói tục chửi bậy nơi lễ hội; không chen chúc, dẫm đạp lên nhau để đi hội; không dẫm đạp, phá hỏng các công trình, cỏ cây, hoa lá trong khuôn viên diễn ra lễ hội...); tích cực quảng bá hình ảnh đẹp về con người Việt Nam và giá trị văn hoá VN cho bạn bè thế giới biết đến,...

Đề bài 2: Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

“Bắt đầu vào hội thi, trống chiêng điểm ba hồi, các đội hình dự thi xếp hàng trang nghiêm làm lễ dâng hương trước cửa đình để tưởng nhớ vị thành hoàng làng có công cứu dân, độ quốc.

Hội thi bắt đầu bằng việc lấy lửa trên ngọn cây chuối cao. Khi tiếng trống hiệu vừa dứt, bốn thanh niên của bốn đội nhanh thoăn thoắt leo lên thân cây chuối rất trơn vì đã bôi mỡ. Có người leo lên, tụt xuống, lại leo lên,... Có người phải bỏ cuộc, người khác lại leo lên, quang cảnh hết sức vui nhộn.

Khi lấy được nén hương mang xuống, ban tổ chức phát cho ba que diêm châm vào hương cháy thành ngọn lửa. Người trong đội sẽ vót mảnh tre già thành những chiếc đĩa bông châm lửa và đốt vào những ngọn đuốc. Trong khi đó, người trong nhóm dự thi nhanh tay giã thóc, giần sàng thành gạo, lấy nước và bắt đầu thổi cơm. Những nồi cơm nhỏ treo dưới những cành cong hình cánh cung được cầm rất khéo léo từ dây lưng uốn về trước mặt. Tay cầm cần, tay cầm đuốc đưa cho ánh lửa bập bùng. Các đội thổi cơm đan xen nhau uốn lượn trên sân đình trong sự cổ vũ nồng nhiệt của người xem hội”.

(Trích VB Hội thi nấu cơm ở Đồng Vân, Minh Hương)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn?

Câu 2. Đoạn văn cung cấp những thông tin gì về hội thi nấu cơm ở Đồng Vân?

Câu 3. Qua một số chi tiết nói về luật lệ của hội thổi cơm thi và hình ảnh người dự thi, em có nhận xét gì về đẹp của con người Việt Nam?

Câu 4. Em hãy kể tên những lễ hội của nước ta mà em biết (Tối thiểu 03 lễ hội). Theo em, việc giữ gìn và tổ chức những lễ hội truyền thống hằng năm hiện nay có những ý nghĩa gì?

Gợi ý làm bài

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn: Thuyết minh

Câu 2. Đoạn văn cung cấp những thông tin về hội thi nấu cơm ở Đồng Vân:

- Tiến trình của hội thi: lễ dâng hương, lúc bắt đầu lấy lửa, nấu cơm.

- Các quy định của hội thi nấu cơm ở Đồng Vân

- Hoạt động chính của hội thi nấu cơm: *giã thóc, giần sàng thành gạo, lấy nước và bắt đầu thổi cơm*

- Không khí của hội: *hết sức vui nhộn, cổ vũ náo nhiệt*

Câu 3. Về đẹp của con người Việt Nam: khỏe mạnh và khéo léo, nhanh nhẹn và sáng tạo; đoàn kết, phối hợp trong nhóm; có ý thức tập thể.

Câu 4

* Một số lễ hội của Việt Nam được tổ chức hằng năm:

*HS nêu ý nghĩa của việc tổ chức các lễ hội truyền thống

Có thể nêu :

Lễ hội truyền thống là một phần quan trọng với đời sống tinh thần của người Việt. Do đó, việc giữ gìn và tổ chức các lễ hội truyền thống hằng năm có ý nghĩa vô cùng quan trọng:

+ Các lễ hội truyền thống là để con cháu tỏ lòng tri ân công đức của các vị anh hùng dân tộc, các bậc tiền bối đã có công dựng nước, giữ nước và đấu tranh giải phóng dân tộc.

+ Giúp thế hệ trẻ biết giữ gìn, kế thừa và phát huy những giá trị đạo đức truyền thống quý báu cũng như phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc

+ Việc tổ chức lễ hội truyền thống còn góp phần tích cực trong giao lưu với các nền văn hóa thế giới.

Ôn tập thực hành đọc: Bánh chưng, bánh giầy

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Thể loại: Truyền thuyết

2. Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

3. Bố cục:

- P1: Từ đầu đến... *chứng giám*: Vua Hùng chọn người nối ngôi
- P2: Tiếp đến ...*hình tròn*: Lang Liêu được thần giúp đỡ
- P3: Còn lại: Lang Liêu được chọn nối ngôi

4. Tóm tắt

Vua Hùng Vương thứ sáu lúc về già muốn tìm trong số hai mươi người con trai của mình một người thật tài đức để nối ngôi nên đã ra điều kiện: không nhất thiết là con trưởng, ai làm vừa ý nhà vua trong lễ Tiên Vương sẽ được truyền ngôi. Các lang đua nhau sắm lễ thật hậu, thật ngon. Lang Liêu, người con trai thứ mười tám, rất buồn vì nhà nghèo, chỉ quen với việc trồng khoai trồng lúa, không biết lấy đâu ra của ngon vật lạ làm lễ như những lang khác. Sau một đêm nằm mộng, được một vị thần mách nước, chàng bèn lấy gạo nếp, đậu xanh và thịt lợn làm thành hai thứ bánh, loại hình tròn, loại hình vuông dâng lên vua cha. Vua thấy bánh ngon, lại thể hiện được ý nghĩa sâu sắc nên lấy hai thứ bánh ấy lễ Trời, Đất và lễ Tiên vương,

DẠY THÊM NGỮ VĂN 6 – BỘ KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

đặt tên bánh hình tròn là bánh giầy, bánh hình vuông là bánh chưng và truyền ngôi cho Lang Liêu.

II. Đặc điểm cốt truyện truyền thuyết qua truyện *Bánh chưng, bánh giầy*

a. Đặc điểm cốt truyện truyền thuyết qua truyện *Bánh chưng, bánh giầy*.

Đặc điểm	Chi tiết biểu hiện
a. Thường xoay quanh công trạng, kì tích của NV mà cộng đồng truyền tụng, tôn thờ	- Lang Liêu làm ra bánh chưng (nguyên liệu lấy từ nông sản do nhân dân làm ra) được Vua cha lựa chọn dâng lên lễ Tiên Vương.
b. Thường sử dụng yếu tố kì ảo nhằm thể hiện tài năng, sức mạnh khác thường của NV.	- Lang Liêu nằm mộng được thần mách bảo những nguyên liệu làm bánh.
c. Cuối truyện thường gợi nhắc các dấu tích xưa còn lưu lại đến “ngày nay”.	- Hàng năm, cứ vào dịp tết Nguyên đán nhân dân ta có tục làm bánh chưng, bánh giầy để dâng cúng Trời Đất và tổ tiên.

b. Đặc điểm nhân vật truyền thuyết qua truyện *Bánh chưng, bánh giầy*.

Đặc điểm	Chi tiết biểu hiện
a. Thường có những điểm khác lạ về lai lịch, phẩm chất, tài năng, sức mạnh,...	- Lang Liêu mồ côi mẹ, là chàng trai hiền hậu, chăm chỉ, rất mực hiếu thảo.
b. Thường gắn với sự kiện lịch sử và có công lớn đối với cộng đồng	- Lang Liêu làm ra bánh chưng (nguyên liệu lấy từ nông sản do nhân dân làm ra) được Vua cha lựa chọn dâng lên lễ Tiên Vương.
c. Được cộng đồng truyền tụng, tôn thờ.	- Hàng năm, cứ vào dịp tết Nguyên đán nhân dân ta có tục làm bánh chưng, bánh giầy để tưởng nhớ tổ tiên và người đã sáng tạo ra 2 thứ bánh này.

3. Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản

a. Nghệ thuật: sử dụng các yếu tố tưởng tượng, kì ảo, cách kể chuyện dân gian,...

b. Nội dung: Truyền thuyết “Bánh chưng bánh giầy” vừa giải thích nguồn gốc của bánh chưng, bánh giầy vừa phản ánh thành tựu văn minh nông nghiệp ở buổi đầu dựng nước với thái độ đề cao lao động, đề cao nghề nông và thể hiện sự tôn kính Trời, Đất và tổ tiên của nhân dân ta.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: CỤM TỪ, NGHĨA CỦA TỪ, DẤU CHẤM PHẪY

I. NHẮC LẠI LÝ THUYẾT

1. Cụm từ:

- Cụm từ: nhóm, tập hợp nhiều từ, có từ ngữ trung tâm và từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành. Có các cụm danh từ, cụm tính từ, cụm động từ.

- Cụm động từ: VD: **mở hội to lắm.**

+ TP trung tâm: Động từ (từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật, hiện tượng)

+ Phần phụ trước, phần phụ sau.

- Cụm tính từ: VD: **chăm làm ăn**

+ TP trung tâm: Tính từ (từ chỉ đặc điểm, tính chất của sự vật, hiện tượng, hoạt động)

2. Nghĩa của từ:

- Từ Hán Việt: từ có nguồn gốc từ tiếng Hán, nhưng được sử dụng theo cách riêng của người Việt.

Ví dụ: **sơn hà, sơn lâm, sơn thủy...**

3. Dấu chấm phẩy

a. Ví dụ:

- *Én bố mẹ tấp nập đi, về, mãi một móm cho con; én anh chị rập rờn bay đôi; én ra ràng chấp chới vỗ cánh bên rìa hốc đá.*

Nhận xét: Câu ghép có ba vế câu. Ở vế thứ nhất đã dùng dấu phẩy để liệt kê hoạt động “*đi, về, kiếm mồi*”, nên ranh giới giữa ba câu ghép cần đánh dấu bằng **dấu chấm phẩy** (ở đây cũng là một phép liệt kê, mỗi vế câu liệt kê một đặc điểm của én ở độ tuổi khác nhau)

- *Dưới ánh trăng này, dòng thác nước sẽ đổ xuống làm máy phát điện; giữa biển rộng, cờ đỏ sao vàng phấp phới bay trên những con tàu lớn*

DẠY THÊM NGỮ VĂN 6 – BỘ KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

(Thép Mới)

=> Công dụng của dấu chấm phẩy: . đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận của một chuỗi liệt kê phức tạp.

b. Kết luận:

- Dấu chấm phẩy thường được dùng để đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một chuỗi liệt kê phức tạp.

- Dấu chấm phẩy thường dùng đánh dấu (ngắt) các thành phần trong một câu, thường các thành phần này có quan hệ đồng đẳng, mang tính liệt kê (khi cần đánh dấu các thành phần, bộ phận nhỏ hơn người ta dùng dấu phẩy)

❖ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Câu 1. *GV tổ chức trò chơi: Trò chơi “Ai nhanh hơn”. Chia lớp thành 2 nhóm, nhóm nào nhanh, trả lời đúng thì ghi điểm. Gv chiếu từng câu hỏi, HS trả lời. Nhóm nào được nhiều, chính xác, nhóm ấy chiến thắng.

Từ láy, từ ghép: Xác định từ láy, từ ghép trong những từ sau. Cho biết cơ sở để xác định như vậy.

a. Bản khoản, đông bão, tờ mờ, cuộn cuộn, yêu thương, đùng đùng, lành lành, nao nóng, mỗi mệt, vững vàng, sinh lễ, ruộng đồng.

b. Say sưa, đồng bằng, anh hùng, lễ hội, tôi luyện, may mắn, khí giới, từng bừng, gìn giữ, cộng đồng, trên thế, lưu truyền.

Từ ghép	Từ láy
a. đông bão, yêu thương, mỗi mệt, sinh lễ, ruộng đồng.	Bản khoản, t ở mờ, cuộn cuộn, đùng đùng, lành lành, nao nóng, vững vàng.
b. đồng bằng, anh hùng, lễ hội, tôi luyện, khí giới, gìn giữ, cộng đồng, trên thế, lưu truyền	Say sưa, may mắn, từng bừng.

Cơ sở để xác định: Mỗi quan hệ giữa các tiếng
+ từ ghép: Các tiếng có quan hệ về nghĩa (quan hệ chính phụ, hoặc quan hệ bình đẳng, ngang hàng).
+ từ láy: các tiếng có quan hệ về ngữ âm (giống nhau hoàn toàn, hoặc lặp lại phụ âm, vần)

Câu 2:

a. Từ Hán Việt: mô hình cấu tạo: sơn + A (núi), thiên (trời, tự nhiên)+ A. Giải thích ngắn gọn nghĩa của các từ vừa tìm được.

DẠY THÊM NGỮ VĂN 6 – BỘ KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Yếu tố Hán Việt A	Từ Hán Việt (sơn+ A)	Giải nghĩa từ
<i>hà</i>	<i>sơn hà</i>	sông núi ; chỉ đất đai, chủ quyền của một đất nước.
<i>thủy</i>	<i>sơn thủy</i>	sông núi; chỉ phong cảnh thiên nhiên nói chung
<i>lâm</i>	<i>sơn lâm</i>	rừng núi
<i>Tinh</i>	<i>Sơn Tinh</i>	thần Núi

Yếu tố Hán Việt A	Từ Hán Việt (thổ + A)	Giải nghĩa từ
<i>cư</i>	<i>thổ cư</i>	đất ở
<i>nhưỡng</i>	<i>thổ nhưỡng</i>	đất có độ mềm, xốp dùng trong trồng trọt, nông nghiệp
<i>canh</i>	<i>thổ canh</i>	đất để canh tác

Yếu tố Hán Việt A	Từ Hán Việt (thiên + A)	Giải nghĩa từ
<i>bẩm</i>	<i>thiên bẩm</i>	trời sinh
<i>hạ</i>	<i>thiên hạ</i>	mọi nơi nói chung trên trái đất
<i>mệnh</i>	<i>thiên mệnh</i>	mệnh trời
<i>lương</i>	<i>thiên lương</i>	bn tính tốt sẵn có từ mới sinh ra, lương tâm.
<i>tài</i>	<i>thiên tài</i>	tài năng nổi bật hơn hẳn mọi người, dường như được trời phú cho
<i>tính</i>	<i>thiên tính</i>	- tính vốn có, do trời phú cho.

b. Từ Hán Việt: mô hình cấu tạo: A+ thoại (lời kể, chuyện kể); A + tượng (hình ảnh, liên quan đến hình ảnh).

Từ Hán Việt: A+ thoại (lời kể, chuyện kể): đồng thoại, giai thoại, huyền thoại, thần thoại, tiên thoại.

DẠY THÊM NGỮ VĂN 6 – BỘ KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Từ Hán Việt: A + tượng (hình ảnh, liên quan đến hình ảnh) tượng trưng, ẩn tượng, biểu tượng, cảnh tượng, hiện tượng, hình tượng, khí tượng, khí tượng, tưởng tượng.

Câu 3:

Cho thành ngữ: Hô mưa, gọi gió; oán nặng, thù sâu

- Phân tích được đặc điểm cấu tạo của thành ngữ cho trước

- Tìm thành ngữ có cấu tạo tương tự, giải nghĩa .

- Một số thành tương tự : *Góp gió thành bão, ăn gió năm sương, dãi nắng dầm mưa, đội trời đạp đất, chân cứng đá mềm, ăn to nói lớn, lên thác xuống ghềnh, bóc ngắn cắn dài ...*

Thành ngữ	Nghĩa của thành ngữ
<i>Thả hổ về rừng</i>	- Hành động vô tình lại tạo thêm điều kiện cho kẻ dữ hoành hành ở môi trường quen thuộc.
<i>Góp gió thành bão</i>	- Góp nhặt nhiều món nhỏ, dần dần thành món lớn.
<i>Lên thác xuống ghềnh</i>	- Chỉ cảnh gian nan, vất vả
<i>bóc ngắn cắn dài</i>	- Làm ra được ít mà lại tiêu dùng quá nhiều.
<i>dãi nắng dầm mưa</i>	- Chịu đựng nhiều nỗi gian lao vất vả trong cuộc sống.
<i>ăn gió năm sương</i>	- Nghĩa là ăn giữa gió năm giữa sương, dùng để tả những nỗi vất vả của người đi đường.
<i>đội trời đạp đất</i>	- Ví lối sống và hành động hết sức tự do, ngang tàng, không thừa nhận bất cứ một uy quyền nào trên đời

DẠY THÊM NGỮ VĂN 6 – BỘ KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Câu 4: Tìm các thành ngữ được cấu tạo theo dạng sau (lớn nhanh như thổi, chết như ngã rạ) : gồm hai yếu tố có quan hệ so sánh với nhau (được biểu thị bởi từ như chỉ sự so sánh).

- Đặt câu với mỗi thành ngữ vừa tìm được.

Gợi ý trả lời

Thành ngữ	Nghĩa của thành ngữ
<i>Đắt như tôm tươi</i>	được rất nhiều người mua, có bao nhiêu cũng hết ngay; rất đắt hàng VD: Cô ấy bán hàng <i>đắt như tôm tươi</i> , bao nhiêu cũng hết.
<i>Lúng ba lúng búng như ngậm hột thị</i>	nói ấp úng, không rõ ràng, thiếu rành mạch. VD: Bạn ấy nói năng <i>lúng ba lúng búng như ngậm hột thị</i> chả ai hiểu gì cả.
<i>Trắng như tuyết</i>	Rất trắng, không gì trắng bằng (thường để chỉ da) VD: Cô ấy có làn da <i>trắng như tuyết</i> ấy nhỉ!
<i>Đen như cột nhà cháy</i>	Rất đen, khó ai có thể đen hơn (chỉ da) Mùa hè mà nó cứ điếu nắng thì có mà <i>đen như cột nhà cháy</i> .

Câu 5: Tìm các dấu chấm phẩy được dùng trong những câu dưới đây và chỉ ra tác dụng của chúng trong câu:

a. “Chúng kể cho tôi nghe cuộc sống buồn tẻ của chúng và những chuyện đó làm tôi buồn lắm; chúng kể cho tôi nghe về những về những con chim tôi bẫy được sống ra sao và nhiều chuyện trẻ con khác, nhưng tôi nhớ lại thì chưa bao giờ chúng nói một lời nào về dì ghẻ.

b. “Nhưng tôi cũng không muốn chúng nó phải khổ khổ mà đàn độn như Nhuận Thổ; cũng không muốn chúng nó phải khổ khổ mà tàn nhẫn như bao nhiêu người khác.

c. Theo báo cáo khoa học của đoàn thám hiểm của Hội địa lý Hoàng gia Anh gần đây, cửa hang cao và rộng nhất; bãi cát, bãi đá rộng và đẹp nhất; có những hồ ngầm đẹp nhất; hang khô rộng và đẹp nhất; thạch nhũ tráng lệ và kì ảo nhất; sông ngầm dài nhất.

DẠY THÊM NGỮ VĂN 6 – BỘ KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

d. Những bến vận hà nhộn nhịp dài theo dòng sông; những lò than hầm gỗ được sản xuất loại than củi nổi tiếng nhất của miền Nam; những ngôi nhà bè ban đêm ánh đèn măng sông chiếu rọi trên mặt nước như những khu phố nổi.

e. Một người ở vùng núi Tân Viên có tài lạ: vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi; vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi.

h. Một người ở miền biển, tài năng cũng không kém: gọi gió, gió đến; hô mưa, mưa về.

g. Từ khi lớn lên, ra ở riêng, ông chăm chỉ lo việc đồng áng, trồng lúa, trồng khoai; bây giờ nhìn quanh quần trong nhà, chỉ thấy khoai lúa là nhiều.

Gợi ý trả lời

Câu	Tác dụng của dấu chấm phẩy:
a	Đánh dấu ranh giới các bộ phận trong phép liệt kê phức tạp, cụ thể là ngăn cách các vế của một câu ghép phức tạp
b	Đánh dấu ranh giới, cụ thể là ngăn cách các bộ phận cùng làm vị ngữ trong câu.
c	Dùng để làm ranh giới giữa các bộ phận trong một phép liệt kê phức tạp.
d	Dùng để ngăn ranh giới các vế của một câu ghép có cấu tạo phức tạp.
e, h	Dấu chấm phẩy dùng để đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận của phép liệt kê phức tạp (liệt kê của từng tài năng của Sơn Tinh và Thủy Tinh).
g	Đánh dấu ranh giới các bộ phận trong phép liệt kê phức tạp

Câu 6: Biện pháp tu từ điệp ngữ: Tìm những câu văn có sử dụng phép tu từ điệp ngữ

trong VB Sơn Tinh, Thủy Tinh và chỉ ra tác dụng của phép tu từ này.

Câu văn	Điệp ngữ	Tác dụng của điệp ngữ
“ <u>Một người là</u> chúa miền non cao, <u>một người là</u> chúa vùng nước thẳm, cả hai đều xứng đáng làm rể Vua Hùng”	“ <u>một người là</u> ”	nhấn mạnh sự ngang tài ngang sức, mỗi người một vẻ của Sơn Tinh, Thủy Tinh.
<u>Một người ở</u> vùng núi Tân Viên, có tài lạ: <u>vẫy tay về phía</u> đông, phía đông nổi cồn bãi; <u>vẫy tay về phía</u> tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi. ... <u>Một người ở</u> miền biển, tài năng cũng không kém: gọi <u>gió</u> , <u>gió</u> đến; hô <u>mưa</u> , <u>mưa</u> về	- “ <u>một người ở...</u> ” - “ <u>vẫy tay về phía...</u> ”...	...nhằm liệt kê các phép lạ của Sơn Tinh và Thủy Tinh, nhấn mạnh sự dứt khoát, hiệu nghiệm tức thì.
“ <u>Nước</u> ngập ruộng đồng, <u>nước</u> tràn nhà cửa, <u>nước</u> dâng lên lưng đồi, sườn núi, thành Phong Châu như nổi lên bênh trên một biển nước.”	- “ <u>nước...</u> ”	nhằm liệt kê những sự vật bị ngập, nhấn mạnh việc nước ngập mọi nơi, lần lượt, tăng tiến (từ xa đến gần, từ ngoài vào trong), qua

DẠY THÊM NGỮ VĂN 6 – BỘ KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

		đó thể hiện sức mạnh, sự tức giận của Thủy Tinh.
--	--	--

Câu 7: Các cụm động từ trong các câu văn sau:

a. Nước ngập ruộng đồng, nước tràn nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, sườn núi, thành Phong Châu như nổi lên bành trên một biển nước.”

b. Trong ngày này, dân làng tổ chức lễ rước cờ tới đền Mẫu, rước cơm chay (cơm cà) lên đền Thượng.

Câu 8: Tạo cụm tính từ và đặt thành câu văn sau:

Các từ: ngon, nhanh, vui, đau.

Tính từ	Cụm tính từ	Câu
Ngon	rất ngon	Bánh chưng, bánh giầy bà gói <u>rất ngon</u> ạ.
nhanh	Nhanh hơn	Chúng mình thi xem ai chạy <u>nhanh hơn</u> .
vui	Vui quá	Lớp chúng mình <u>vui quá</u> .
đau	Hơi đau	Lan chỉ <u>hơi đau thôi</u> , bạn không phải lo.

BUỔI 4

ÔN TẬP KĨ NĂNG VIẾT:

Viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện
(một sinh hoạt văn hóa)

🔔 NHẮC LẠI LÝ THUYẾT

I. Yêu cầu đối với một bài văn tả cảnh sinh hoạt.

1. Thuyết minh là gì?

Thuyết minh là phương thức giới thiệu những tri thức khách quan, xác thực và hữu ích về đặc điểm, tính chất, nguyên nhân,... của các hiện tượng, sự vật trong tự nhiên, xã hội.

2. Yêu cầu đối với bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện

- Xác định rõ người tường thuật tham gia hay chứng kiến sự kiện và sử dụng ngôi tường thuật phù hợp.
- Giới thiệu được sự kiện cần thuật lại, nêu được bối cảnh (không gian và thời gian).
- Thuật lại được diễn biến chính, sắp xếp các sự việc theo một trình tự hợp lí.
- Tập trung vào một số chi tiết tiêu biểu, hấp dẫn, thu hút được sự chú ý của người đọc.
- Nêu được cảm nghĩ, ý kiến của người viết về sự kiện.

3. Để bài viết sinh động có thể sưu tầm thêm tranh ảnh, đồ vật, video..

II. Thực hành viết theo các bước làm viết .

Bước 1. Trước khi viết

a. Lựa chọn sự kiện:

- Sự kiện mà em được tham gia, chứng kiến, hoặc được tìm hiểu qua các phương tiện thông tin.
- Sự kiện đó em có hứng thú, hoặc đã để lại dấu ấn trong em.
- Sự kiện thuận lợi cho em tham gia, chứng kiến, hoặc tìm hiểu.

b. Thu thập dữ liệu về sự kiện:

- Quan sát trực tiếp, chọn lọc, ghi chép kiến thức về sự kiện.
- Sưu tầm kiến thức từ sách, báo, mạng...

Bước 2. Tìm ý, lập dàn ý

a. Tìm ý (điền phiếu tìm ý)

DẠY THÊM NGỮ VĂN 6 – BỘ KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

- + Thời gian, địa điểm diễn ra sự kiện
- + Hoạt động chính (trình tự, kết quả của hoạt động)
- + Ý nghĩa của sự kiện

b. Lập dàn ý

- **Mở bài:** Giới thiệu sự kiện (không gian, thời gian, mục đích tổ chức sự kiện)
- **Thân bài:** Tóm tắt diễn biến sự kiện theo trình tự thời gian.
 - + Nhân vật tham gia sự kiện
 - + Các hoạt động chính của sự kiện; đặc điểm, diễn biến của từng hoạt động.
 - + Hoạt động để lại ấn tượng sâu sắc nhất.
- **Kết bài:** Nêu ý nghĩa của sự kiện và cảm nghĩ của người viết

Bước : Kiểm tra và chỉnh sửa: (tự đánh giá đoạn văn theo bảng dưới)

- Tự chỉnh sửa bằng cách bổ sung những chỗ còn thiếu hoặc chưa đúng.
- Tự đánh giá và rút kinh nghiệm

Bảng kiểm tra bài văn

GV cung cấp công cụ rubric đánh giá kỹ năng viết:

Các phần kiểm tra	Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
Người thuyết minh	- Là ai? (được tham gia trực tiếp hay chứng kiến, hoặc được tìm hiểu qua các phương tiện thông tin) - Chọn ngôi tường thuật phù hợp	- Nếu chưa đúng yêu cầu thì chỉnh lại.
Mở bài	- Tên sự kiện, thời gian, địa điểm, mục đích.	- Nếu thiếu thì bổ sung
Thân bài	- Không khí chung của sự kiện - Diễn biến chính của sự kiện + Có những hoạt động nào? + Hoạt động nào hấp dẫn nhất? + Các hình ảnh, hoạt động cần chân thực khách quan. + Sắp xếp theo một trình tự hợp lí chưa?	- Kiểm tra lại từng ý, chưa chuẩn cần bổ sung, điều chỉnh.
Kết bài	- Cảm nghĩ, đánh giá, bộc lộ cảm xúc	- Nếu thiếu thì bổ sung

DẠY THÊM NGỮ VĂN 6 – BỘ KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

	về sự kiện	
Cách thức trình bày	- Bố cục, chính tả, diễn đạt	- Nếu mắc lỗi thì sửa lại

Đánh giá bằng Rubric

Bài viết thuyết minh thuật lại một sự kiện (10 điểm)	Nội dung bài thuyết minh còn sơ sài; mắc một số lỗi chính tả (5- 6 điểm)	Nội dung bài thuyết minh về sự kiện tương đối chi tiết ; không mắc lỗi chính tả. (7 - 8 điểm)	Nội dung bài thuyết minh về sự kiện chi tiết, diễn đạt sáng tạo, không mắc lỗi chính tả. (9 - 10 điểm)
--	--	---	--

III. Thực hành

Đề bài 1:

*Tiến hành thảo luận nhóm nhỏ theo kỹ thuật Think- Piar- Share(10- 12 phút)

<p>B1: Think (Nghĩ): HS suy nghĩ độc lập về vấn đề được nêu ra; tự hình thành nên ý tưởng của mình.</p> <p>B2: Pair (Bắt cặp): HS được ghép cặp với nhau để thảo luận về những ý tưởng vừa có. GV có thể yêu cầu HS thảo luận theo cặp cùng bàn.</p> <p>B3: Share (Chia sẻ): HS chia sẻ ý tưởng vừa thảo luận với nhóm lớn hơn hoặc chia sẻ trước lớp.</p>	
---	---

Đề bài 1: Em hãy viết bài văn thuyết minh thuật lại một lễ hội ở quê hương em.

a. Bước 1: Chuẩn bị:

- Chọn sự kiện để thuật lại: Thuật lại lễ hội đền Trần ở Nam Định.

- Thu thập thông tin về sự kiện từ các nguồn khác nhau như sách báo, internet: tìm hiểu về nguồn gốc lễ hội đền Trần; thời gian và địa điểm tổ chức; các nghi lễ; ý nghĩa của lễ hội,...
- Dự kiến cách trình bày bài viết: theo cách truyền thống
- Dự kiến bố cục của bài (theo cách truyền thống)

b. Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

***Tìm ý**

Dựa vào bước 1, hãy tìm hiểu:

- Lễ hội đền Trần (Nam Định) được tổ chức trong các ngày từ ngày 15 đến ngày 20 tháng tám âm lịch hàng năm tại phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định nhằm tri ân công đức của 14 vị vua Trần.
- Diễn biến của lễ hội: bao gồm nghi thức lễ và phần hội:
 - + Tại đền Cố Trạch, thế hệ lão ông, lão bà khoác lên mình áo dài khăn xếp cùng dân làng tề tựu đủ để tham dự lễ tế thánh rồi dự lễ khai ấn.
 - + Đúng giờ Tý (khoảng 23 giờ - 1 giờ đêm), buổi lễ bắt đầu. Đoàn người rước hòm ấn tiến sang đền Thiên Trường. Họ dâng hương tế cáo trời đất tại bàn thờ Trung thiên, rồi rước ấn vào nội cung, đặt ấn tại ban công đồng làm lễ xin khai ấn.
 - + Người bồi tế đặt 1 loại giấy dân gian của Việt Nam lên trước tế chính. Giấy sau khi xin dấu son được chia phát cho những người có mặt trong buổi lễ, đem về treo trong nhà để lấy may và xua đuổi rui ro, tà ám.
- Sáng ngày 15 tháng Giêng, dân làng sẽ tổ chức rước nước.
 - + Dân làng xin hương rồi nghênh kiệu, làm lễ, tiến ra bờ sông Hồng
 - + Tại bến Hữu Bị dừng kiệu, chèo thuyền ra giữa sông, múc nước trong vào bình sẵn rồi rước theo đường cũ về đền. Nước trong bình sau đó sẽ được múc ra các bát đặt lên bàn thờ để tiến hành tế nước. Tế xong thì đưa cho con cháu họ Trần uống ghi nhớ cội nguồn tổ tiên.
 - + Đến ngày 16 buổi sáng, lễ tế cá sẽ diễn ra tại đền Thiên Trường.

+ Bên cạnh đó cũng có rất nhiều trò chơi dân gian đặc sắc. Không khí náo nhiệt, vui tươi, ngập tràn màu sắc và hơi thở truyền thống dân tộc.

- Ý nghĩa của lễ hội và trách nhiệm của người dân.

* Tìm thêm các hình ảnh minh họa cho lễ hội.

c. Bước 3: Viết bài : HS dựa vào dàn ý để viết.

Bài viết tham khảo:

ĐẶC SẮC LỄ HỘI KHAI ẤN ĐỀN TRẦN

Lễ khai ấn đầu xuân tại Đền Trần, phường Lộc Vượng (TP Nam Định) từ lâu đã trở thành một sinh hoạt văn hoá tín ngưỡng, tâm linh thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân, du khách trong và ngoài nước tham dự.



Từ bao đời nay, lễ hội đã trở thành một điểm tựa tinh thần, ghi lại những nét đẹp của phong tục truyền thống Việt Nam. Mỗi miền quê lại có những lễ hội mang đặc trưng riêng của vùng quê đó. Em rất tự hào vì quê hương Nam Định của em cũng có một lễ hội đặc sắc được người dân cả nước biết đến, đó là lễ hội khai ấn đền Trần - một trong những lễ hội nổi tiếng của đất Nam Định nói riêng và cả nước nói chung.

Lễ khai ấn đền Trần đầu tiên được tổ chức lần đầu vào năm 1239. Đây là nghi lễ triều đại nhà Trần thực hiện tế tiên tổ. Những năm chống giặc Nguyên Mông, nhà Trần thực hiện kế sách "vườn không nhà trống" nên rút toàn bộ quân về Thiên Trường, lễ khai ấn bị gián đoạn tới năm 1262 mới được mở lại.

Lễ khai ấn được cố định tổ chức vào ngày rằm tháng Giêng hàng năm, lúc 11 giờ đêm ngày 14 đến 1 giờ sáng ngày 15. Tại đền Cổ Trạch, thế hệ lão ông, lão bà khoác lên mình áo dài khăn xếp cùng dân làng tề tựu đông đủ để tham dự lễ tế thánh rồi dự lễ khai ấn. Đến đúng giờ Tý (khoảng 23 giờ - 1 giờ đêm), tiếng pháo vang lên báo hiệu buổi lễ bắt đầu. Một cụ già cao tuổi sẽ đứng lên thay mặt dân làng làm lễ, xin rước ấn lên kiệu. Đoàn người rước hòm ấn theo nhịp trống chiêng cùng đèn nến sáng lung linh tiến sang đền Thiên Trường tiếp tục làm lễ. Trước tiên là lễ dâng hương lên bàn thờ Trung Thiên, sau đó rước ấn và làm lễ xin khai ấn. Người bồi tế đặt 1 loại giấy dân gian của Việt Nam lên trước tế chính, chiêng trống nổi lên. Chủ tế trình trọng đóng ấn mực đỏ vào tờ giấy, cạnh đó ghi rõ ngày, tháng, năm, viết làm sao tính đúng đến cuối phải là chữ sinh. Giấy có dấu son được chia phát cho những người có mặt trong buổi lễ, đem về treo trong nhà để lấy may và xua đuổi rui ro, tà ám.

Sang tới sáng ngày 15 tháng Giêng, dân làng sẽ tổ chức rước nước. Trước khi bắt đầu, người tế chính vào lễ xin 1 nén hương ở bát hương tổ và 14 nén hương ở các bát hương Hoàng đế. Sau đó cắm vào bát nhang công đồng trên kiệu 8 chân. Cả đoàn rước lễ phục trang nghiêm, nghênh kiệu ra cổng đền, rồi dừng lại làm lễ tế trời đất sau đó mới tiếp tục ra bến sông Hồng.

Tại bến Hữu Bị cách đền khoảng 3km, kiệu dừng lại. Người dân gióng trống khua thuyền đã trang trí cờ hoa ra giữa sông, người tế chính múc nước trong vào bình sẵn. Khi nước đầy bình thì được rước kiệu về theo đường cũ. Nước trong bình sẽ được cho vào các bát và đặt lên bàn thờ làm lễ tế nước. Tế xong thì đưa cho con cháu họ Trần uống ghi nhớ cội nguồn tổ tiên. Đến ngày 16 buổi sáng, lễ tế cá sẽ diễn ra tại đền Thiên Trường. Cá quả, cá chép ứng với hai vị tổ họ Trần là Trần Kinh và Trần Lý được đựng trong thúng sơn đỏ. Làm lễ tế xong thì rước thả ra sông Hồng. Bên cạnh đó cũng có rất nhiều trò chơi dân gian đặc sắc như chọi gà, đấu vật, múa lân, chơi cờ thẻ, đi cầu kiều, hát văn,...Không khí náo nhiệt, vui tươi, ngập tràn màu sắc và hơi thở truyền thống dân tộc.

Cũng giống như những lễ hội khác của dân tộc, lễ hội đền Trần không chỉ mang giá trị vật thể mà còn có giá trị tinh thần vô cùng sâu sắc. Lễ hội là dịp con cháu khắp mọi miền hội tụ về để thể hiện lòng biết ơn đối với các bậc đế vương xa xưa, thể hiện truyền thống yêu nước và đạo lý “uống nước nhớ nguồn” của nhân dân ta. Hiện nay, lễ hội khai ấn đền

Trần còn trở thành một nét đẹp văn hóa độc đáo thu hút du khách trong và ngoài nước. Mỗi năm vào đầu xuân, đền Trần đón tiếp hàng nghìn du khách thập phương về dự đêm khai ấn, bày tỏ lòng thành kính biết ơn và cầu mong những điều tốt đẹp.

Lễ hội khai ấn đền Trần sẽ mãi là niềm tự hào của mỗi người con Nam Định quê em và trong tâm thức mỗi người dân Việt Nam. Mỗi người cần có ý thức và trách nhiệm bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá của lễ hội trong cuộc sống hiện đại ngày nay.

d. Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa.

Đề bài 2: Em hãy viết bài thuyết minh thuật lại một sự kiện lớn xảy ra ở trường học của em.

a. Bước 1: Chuẩn bị:

- Chọn sự kiện để thuật lại: ngày kỉ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11
- Thu thập thông tin về sự kiện từ các nguồn khác nhau như sách báo, internet,....:
- Dự kiến cách trình bày bài viết: theo cách truyền thống kết hợp với hình ảnh minh hoạ.
- Dự kiến bố cục của bài (theo cách truyền thống).

b. Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

- **Tìm ý**
- + Giới thiệu sự ra đời của ngày lễ như thế nào?
- + Những hoạt động diễn ra trong ngày lễ?
- + Ý nghĩa ngày lễ?
- Tìm thêm các hình ảnh minh hoạ.

c. Bước 3: Viết bài : HS dựa vào dàn ý để viết.

Bài viết tham khảo:

NGÀY HIẾN CHƯƠNG NHÀ GIÁO VIỆT NAM 20/11

Ngày Nhà giáo Việt Nam (tên đầy đủ là Ngày Hiến chương Nhà giáo Việt Nam) là một ngày lễ kỷ niệm quan trọng được tổ chức vào ngày 20/11 hàng năm để tri ân các thầy cô và những người hoạt động trong ngành giáo dục.



Từ xưa đến nay, bất kể trong thời kỳ nào, nghề dạy học luôn được coi là nghề cao quý và được xã hội tôn trọng và tôn vinh. Chủ tịch Hồ Chí Minh câu nói: *“Nhiệm vụ thầy giáo rất vẻ vang, vì nếu không có thầy giáo thì không có giáo dục... Không có giáo dục thì không nói gì đến kinh tế, văn hóa”*. Tuy sự cống hiến của thầy giáo là rất thầm lặng nhưng rất mực vẻ vang: *“Dù tên tuổi không đăng trên báo, không được thưởng huân chương, song những người thầy giáo tốt là những anh hùng vô danh”*. Do đó, cả nước dành riêng một ngày 20/11 hằng năm để tri ân các thầy cô giáo và những người đang ngày đêm cống hiến cho sự nghiệp giáo dục nước nhà.

Lịch sử của ngày nhà giáo Việt Nam bắt đầu từ một tổ chức quốc tế của các nhà giáo dục tiến bộ thành lập ở Pari (Pháp) vào hồi tháng 7 năm 1946 có tên là F.I.S.E (Fédertion International Syndicale des Enseignants - Liên hiệp quốc tế các công đoàn giáo dục). . Năm 1949, tại một hội nghị ở Warszawa (thủ đô của Ba Lan), Liên hiệp quốc tế các công đoàn giáo dục đã ra bản “Hiến chương các nhà giáo” gồm 15 chương quy định một số điều đối với các nhà giáo, đặc biệt nêu cao vị trí nghề dạy học và những người dạy học.



Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, Công đoàn Giáo dục Việt Nam đã liên hệ với FISE với mục đích tranh thủ các diễn đàn quốc tế, tố cáo âm mưu tội ác của bọn đế quốc xâm lược đối với nhân dân ta cũng như đối với giáo viên và học sinh.

Đồng thời, giới thiệu những thành tích của nền giáo dục cách mạng, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của toàn thể giáo viên trên thế giới đối với cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân ta.

Lần đầu tiên ngày "Quốc tế Hiến chương các nhà giáo" được tổ chức trên toàn miền Bắc nước ta vào ngày 20/11/1958. Những năm sau đó, khi đất nước hoàn toàn độc lập, ngày lễ này đã được tổ chức trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Vào ngày 28/09/1982, ngày 20/11 đã chính thức được đưa vào quyết định để trở thành ngày Hiến chương nhà giáo Việt Nam.



Như trở thành thông lệ, vào ngày 20/11 hằng năm, tất cả các trường học trong cả

nước lại sôi động với những phong trào thi đua, các hoạt động giảng dạy tốt để chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam. Ngày 20/11 là dịp để các thế hệ học trò bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc với những người thầy, để mọi ngành, mọi nghề và toàn xã hội chia sẻ niềm vui, tri ân với những người đã góp bao công sức và tâm huyết cho sự nghiệp trồng người cao cả, góp phần xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Đây cũng là dịp để các thế hệ học trò tri ân tới những thầy cô dạy dỗ chúng ta nên người với các hoạt động như thi văn nghệ, thi báo tường, thi thi cắm hoa, tổ chức mít tinh,... và nhiều hoạt động có ý nghĩa khác. Và vào những ngày này tất cả các thế hệ học trò, cũng như những ngành nghề khác trong xã hội đều giành thời gian để chia sẻ và tri ân tới những người thầy, cô từng ngày âm thầm lặng lẽ cống hiến hết cuộc đời mình cho sự nghiệp trồng người của đất nước.

“Dù tên tuổi không đăng trên báo, không được thưởng huân chương, song những người thầy giáo tốt là những anh hùng vô danh”

(Chủ tịch Hồ Chí Minh)

Ngày lễ nhà giáo Việt Nam 20 tháng 11 là một ngày có ý nghĩa không chỉ với thầy cô mà còn với mỗi người học sinh thể hiện tấm lòng của mình đến các thầy cô. Món quà đẹp đẽ nhất, ý nghĩa nhất để gửi đến những thầy cô của mình không chỉ là những thứ vật chất mà là sự cố gắng, tiến bộ, kết quả học tập thật tốt của mỗi người học sinh gửi gắm đến thầy cô giáo của mình, để không phụ công lao dạy dỗ của cá thầy cô.

❖ **BÁO CÁO SẢN PHẨM VIẾT** (Sau tiết học buổi sáng, GV đã giao HS về nhà tự hoàn thành bài viết thuyết minh thuật lại một sự kiện).

- GV gọi một số HS trình bày sản phẩm trước lớp.
- GV cung cấp bảng rubric đánh giá sản phẩm viết:.
- HS khác lắng nghe, nhận xét, cùng rút kinh nghiệm.
- GV cho điểm HS.

**ÔN TẬP NÓI VÀ NGHE:
KỂ LẠI MỘT TRUYỀN THUYẾT**

🔗 NHẮC LẠI LÝ THUYẾT

1. Chuẩn bị bài nói

Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói (trình bày).

- Mục đích: kể lại một truyện thuyết, giúp người hiểu được cốt truyện và ý nghĩa của câu chuyện.

- Người nghe: thầy cô, bạn bè, người thân...

- Chuẩn bị nội dung nói:

+ Chọn truyện thuyết mà em yêu thích, nắm vững các sự việc.

+ Ngôi kể: thứ ba

+ Tóm tắt câu chuyện:

+ Xác định từ ngữ then chốt, giọng kể thích hợp

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý.

+ Truyện thuyết kể về chuyện gì?

+ Truyện có những sự kiện và nhân vật chính nào?

+ Diễn biến của câu chuyện (mở đầu, phát triển, kết thúc) ra sao?

+ Có thể thêm, bớt những chi tiết, hình ảnh,... của truyện này như thế nào?

+ Truyện gợi cho em những suy nghĩ, cảm xúc gì?

- **Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần lớn của bài văn, gồm:**

+ **Mở bài:** Giới thiệu truyện thuyết tên truyện, lí do kể.

+ **Thân bài:** Giới thiệu nhân vật, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện. Trình bày sự việc đã xảy ra trong câu chuyện theo trình tự thời gian.

+ **Kết bài:** Nêu cảm nghĩ về truyện vừa kể.

Bước 3: Luyện tập và trình bày.

- Dựa vào dàn ý và thực hiện việc kể lại truyện trước tổ hoặc lớp. (có thể luyện tập kể trước gương khi ở nhà).

- Chú ý bảo đảm nội dung và cách kể để câu chuyện trở nên hấp dẫn.

- Có thể sử dụng thêm tranh ảnh, đạo cụ...kết hợp với ngôn ngữ hình thể để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn.

Bước 4: Trao đổi, đánh giá.

- Mình nói (trình bày) cho người khác nghe thì tiếp thu những góp ý từ phía người nghe để tự rút kinh nghiệm.

DẠY THÊM NGỮ VĂN 6 – BỘ KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

- Nếu trong vai trò người nghe, hãy đưa ra những ưu điểm trong cách trình bày và chỉ ra những hạn chế cần khắc phục.

- Sử dụng bảng đánh giá để tự đánh giá và điều chỉnh bài nói của mình

*** Bảng tự kiểm tra bài nói.**

Bước 4: Trao đổi, đánh giá.

*** Bảng tự kiểm tra kỹ năng nói:**

Nội dung kiểm tra	Đạt/ chưa đạt
- Em tâm đắc với điều gì trong phần nói của mình?	
- Em muốn trao đổi, bảo lưu hay tiếp thu những ý kiến góp ý của các bạn và thầy cô?	
- Em muốn cung cấp thêm thông tin về câu chuyện không?	
- Em có muốn nêu thêm nhận xét hay cảm nhận về câu chuyện?	

*** Bảng tự kiểm tra kỹ năng nghe:**

Nội dung kiểm tra	Đạt/ chưa đạt
- Câu chuyện bạn kể có đầy đủ không	
- Câu chuyện bạn kể có hấp dẫn không?	
- Em đã biết câu chuyện bạn kể chưa?	
- Nếu đã biết em có bổ sung gì không?	
- Em có góp ý gì để bài kể của bạn hấp dẫn hơn?	

🕒 THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE

📌 Đề bài :

Đề 01: Kể lại truyền thuyết “Thánh Gióng” bằng lời văn của em.

→Hướng dẫn chung:

*Với người nói:

- HS dựa vào dàn ý phần Viết để lập dàn ý cho bài nói.

- Bám sát sự kiện chính nhưng có thể sáng tạo thêm những chi tiết hình ảnh, cách kết thúc truyện

- Trong quá trình trình bày bài nói, cần chú ý cách kể, giọng kể, kết hợp với ngôn ngữ hình thể (cử chỉ, ánh mắt, nét mặt,...) phù hợp với nội dung câu chuyện. Người kể có thể sử dụng các thiết bị hỗ trợ khác (tranh, ảnh, video,...)

*Với người nghe:

- Chú ý lắng nghe bạn trình bày để nắm và hiểu được nội dung chính của câu chuyện mà bạn kể; có đưa ra được những nhận xét được về ưu điểm, yếu tố sáng tạo trong lời kể của bạn hay điểm hạn chế của bạn.

- Cần có thái độ chú ý tôn trọng, nghiêm túc, đúng mực, động viên khi nghe bạn kể chuyện.

🕒 BÁO CÁO SẢN PHẨM :

Đề 01: Kể lại truyền thuyết “Thánh Gióng” bằng lời văn của em.

(GV đã hướng dẫn quy trình nói ở tiết buổi sáng và giao HS về nhà hoàn thiện).

- GV gọi một số HS trình bày sản phẩm bài nói trước lớp.
- Nhận xét, đánh giá, cho điểm.

Bài nói tham khảo:

Đề 01: Kể lại truyền thuyết “Thánh Gióng” bằng lời văn của em.

Tôi tên là....., học lớp....., trường.....

(1) Chào hỏi và giới thiệu lí do chọn kể câu chuyện Thánh Gióng:

Xin chào các bạn!

Tuổi thơ tôi lớn lên êm đềm bên những câu chuyện dân gian mà ông nội vẫn kể mỗi tối. Qua những câu chuyện ông kể, tôi như đắm chìm vào thế giới đầy mơ và mộng của cha ông, hiểu thêm về lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Một trong những câu chuyện mà tôi

ấn tượng nhất đó là truyền thuyết *Thánh Gióng*. Thật đặc biệt khi câu chuyện này cũng được đưa vào chương trình Ngữ văn lớp 6. Câu chuyện đã kể về người anh hùng đánh giặc giữ nước.

(2) Kể lại nội dung câu chuyện

(Kể bằng giọng vừa phải, rõ ràng, chú ý phân biệt lời nói của các nhân vật với lời của người kể chuyện) Câu chuyện ấy xảy ra từ đời Hùng Vương thứ sáu. Ở làng Gióng có hai ông bà già nổi tiếng là sống phúc đức. Hai ông bà rất mong có một đứa con. Thế rồi, một hôm, bà ra đồng trông thấy một vết chân rất to, bà ngạc nhiên kêu lớn: “Chao ôi! Bàn chân ai mà to thế này!”. Tò mò nên bà đưa chân vàoướm thử, không ngờ về nhà bà mang thai. Điều kì lạ là mãi 12 tháng sau bà mới sinh được một cậu bé mặt mũi rất khôi ngô. Hai vợ chồng mừng rỡ vô cùng. Nhưng kì lạ hơn nữa là đứa trẻ đã lên ba tuổi mà vẫn không biết nói, biết cười, cũng chẳng biết đi, cứ đặt đâu thì nằm đấy.

Bấy giờ giặc Ân thế mạnh như chẻ tre tràn vào xâm lược nước ta. Chúng đi đến đâu là đốt phá nhà cửa, giết người cướp của đến đấy. Quân đội Hùng Vương nhiều phen xuất trận, nhưng đánh không nổi lại chúng. Vua Hùng lấy làm lo lắng vội phái sứ giả đi khắp nơi trong nước tìm tướng tài để giúp vua cứu nước. Đứa bé nghe tiếng rao của sứ giả, bỗng cựa mình và cất tiếng nói: “Mẹ ra mời sứ giả vào đây”. Sứ giả vào, đứa bé bảo: “Ông về tâu với vua sắm cho ta một con ngựa sắt, một cái roi sắt và một tấm áo giáp sắt, ta sẽ phá tan lũ giặc này”. Ai nấy đứng nghe khôn xiết lạ lùng. Cho là thần nhân xuất hiện, sứ giả lập tức phi ngựa về tâu với nhà vua. Nghe nói, Hùng Vương mừng rỡ liền ra lệnh cho thợ rèn góp tất cả sắt lại rèn ngựa, gươm, áo giáp và nón như lời xin của chú bé.

(Kể bằng giọng rõ ràng, xen lẫn ngạc nhiên, thích thú) Càng lạ hơn nữa, kể từ hôm gặp sứ giả, chú bé bỗng lớn nhanh như thổi. Cơm ăn không biết no, áo vừa mới mặc đã chật. Hai vợ chồng làm lưng cực nhọc, chạy ngược chạy xuôi mà không đủ nuôi con bèn cậy nhờ hàng xóm. Bà con ai cũng mong cậu đi giết giặc cứu nước nên chẳng nề hà gì, cùng góp gạo nuôi cậu bé. Khi ăn đến mười nong cơm, ba nong cà, mỗi lần ăn xong một nong lại vươn vai và vụt lớn lên như thổi. Vải vóc do dân làng mang đến rất nhiều để may quần áo mà vẫn không đủ.

(Kể bằng giọng rõ ràng, sôi nổi, xen lẫn niềm tự hào) Ngày ấy, giặc vừa đến sát chân núi Trâu thì sứ giả cũng kịp mang vũ khí tới. Gióng bèn vươn vai đứng dậy, lập tức trở thành một tráng sĩ, khoác áo giáp, cầm roi sắt, chào mẹ và dân làng rồi nhảy lên ngựa. Cả người cả ngựa lao vun vút ra trận. Trên chiến trường, Gióng tung hoành ngang dọc, tả đột hữu xung, giặc chết dưới tay như ngã rạ. Bỗng gậy sắt gãy, Gióng nhanh như chớp nhổ tre bên đường làm vũ khí mới. Giặc sợ hãi chạy trốn, đâm đạp lên nhau mà chết. Dẹp giặc xong, cậu Gióng không quay về kinh để nhận công ban thưởng mà thúc ngựa đến núi Sóc, bỏ lại áo giáp sắt, một người một ngựa bay thẳng về trời.

(Kể bằng giọng trầm lắng) Đất nước đã sạch bóng thù. Nhớ ơn người anh hùng, vua Hùng sai lập đền thờ Gióng ngay tại quê nhà, phong Gióng làm Phù Đổng Thiên Vương, phong mẹ Gióng là Thánh Mẫu Bảo Vương. Nhiều đời sau người ta còn kể, những nơi ngựa của Gióng đi qua để lại trăm ao hồ. Rặng tre bị ngựa phun lửa cháy trở nên vàng óng, còn có một làng bị ngựa phun lửa cháy được gọi là làng Cháy.

(3) Kết thúc bài nói

Các bạn ạ!

Truyền thuyết “*Thánh Gióng*” cùng hình tượng người anh hùng làng Gióng đã in đậm dấu ấn trong đời sống tinh thần người Việt từ bao đời nay. Câu chuyện đã khơi dậy trong tôi lòng yêu nước và ý thức trách nhiệm sâu sắc với đất nước. Tôi tự nhủ sẽ học tập, rèn luyện tốt để mai sau có thể tô điểm cho đất nước ngày thêm đẹp tươi.

Cảm ơn các bạn đã chú ý lắng nghe câu chuyện tôi kể. Rất mong các bạn đóng góp ý kiến để bài nói của tôi thêm hoàn thiện.

BUỔI 5

Hoạt động : Luyện tập (Luyện đề tổng hợp)

ĐỀ SỐ :

III. Thiết lập ma trận, bảng đặc tả đề kiểm tra (Bước 3: Thiết lập ma trận, bảng đặc tả đề kiểm tra)

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA BÀI 6

S T T	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								tổng số câu	Tổng thời gian (Ph út)	TỈ LỆ %
			NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO				
			Tỉ lệ (%)	Thời gian (Phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (Phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (Phút)	Tỉ lệ (%)	Thời gian (Phút)			
1	Tiếng Việt	Cụm từ, nghĩa của từ, dấu chấm phẩy	6 câu		2câu		0	0	0	0	08	10	20
2	Đọc hiểu	Truyện truyền thuyết	2 câu		1 câu		1 câu				4	20	20
3	Tạo lập VB	Viết: - Văn cảm nhận - Văn thuyết minh	0		0		1 câu	20	1 câu	40	2	60	60
Tổng			8		3		2	20	1	40	14	90	100
Tỉ lệ			20		15		25		40				100
Tổng điểm			35				65						

BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA BÀI 6

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng / Yêu cầu cần đạt cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	TIẾNG VIỆT	Cụm từ, nghĩa của từ, dấu chấm phẩy	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện được công dụng của dấu chấm phẩy, từ láy, từ ghép, cụm động từ, tính từ, thành ngữ, phép tu từ <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được công dụng dấu chấm phẩy; phân biệt được nghĩa của yếu tố Hán Việt đồng âm 	6	2	0	0	8
2	ĐỌC HIỂU	TRUYỆN TRUYỀN THUYẾT	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được thể loại ngôi kể và nhận diện chi tiết có ý nghĩa trong truyện truyền thuyết <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được tác dụng của yếu tố hoang đường kì ảo trong truyền thuyết <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết rút ra những bài học có ý nghĩa 	2	1	1	0	4

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng / Yêu cầu cần đạt cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	TIẾNG VIỆT	Cụm từ, nghĩa của từ, dấu chấm phẩy	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhận diện được công dụng của dấu chấm phẩy, từ láy, từ ghép, cụm động từ, tính từ, thành ngữ, phép tu từ <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> Hiểu được công dụng dấu chấm phẩy; phân biệt được nghĩa của yếu tố Hán Việt đồng âm 	6	2	0	0	8
3	TẠO LẬP VB	<p>Viết đoạn văn trình bày cảm nhận về một chi tiết truyện truyền thuyết</p> <p>Viết bài văn thuyết minh</p>	<p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> Biết vận dụng kiến thức viết đoạn văn trình bày suy nghĩ chi tiết ẩn tượng trong một truyền thuyết đã học hoặc đã đọc. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> Biết vận dụng kiến thức, kỹ năng viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện văn hóa (hoặc một sinh hoạt văn hóa) trong cuộc sống. 					2
Tổng								14
Tỉ lệ %					20	40		100

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng / Yêu cầu cần đạt cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	TIẾNG VIỆT	Cụm từ, nghĩa của từ, dấu chấm phẩy	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhận diện được công dụng của dấu chấm phẩy, từ láy, từ ghép, cụm động từ, tính từ, thành ngữ, phép tu từ <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> Hiểu được công dụng dấu chấm phẩy; phân biệt được nghĩa của yếu tố Hán Việt đồng âm 	6	2	0	0	8
Tỉ lệ chung				60			100	

ĐỀ BÀI

Phần I. Tiếng Việt (2,0 điểm)

Câu 1. Từ nào sau đây là từ láy?

- A. Xanh thắm
- B. Xanh xao
- C. Xanh biếc
- D. Xanh tốt

Câu 2. Thành ngữ nào có nghĩa là “*người có sức mạnh siêu nhiên, có thể làm được những điều kì diệu, to lớn.*”

- A. hô mưa, gọi gió.
- B. ăn to nói lớn
- C. bóc ngắn cắn dài
- D. lên thác xuống ghềnh

Câu 3: Đoạn thơ sử dụng phép tu từ nào?

*“Bao giờ cho tới mùa thu
trái hồng trái bưởi đánh đu giữa rằm
bao giờ cho tới tháng năm
mẹ ra trái chiếu ta nằm đếm sao”*

(Nguyễn Duy)

- A. So sánh, ẩn dụ
- B. So sánh, nhân hóa
- C. Nhân hóa, điệp ngữ.
- D. Điệp ngữ, ẩn dụ.

Câu 4: Từ nào là từ Hán Việt

- A. Vua cha
- B. Trời đất
- C. Thiên địa
- D. Ruộng đồng.

Câu 5: Trong các từ sau, yếu tố “**đồng**” ở trường hợp nào có nghĩa là “**trẻ em**”

- A. Đồng bào
- B. Trống đồng
- C. Đồng âm
- D. Đồng thoại

Câu 6: Câu văn “*Nay ta đưa năm mươi con xuống biển, nàng đưa năm mươi con lên núi, chia nhau cai quản các phương*” có mấy cụm động từ:

- A. Một
- B. Hai
- C. Ba
- D. Bốn

Câu 7: Một trong những công dụng của dấu chấm phẩy là:

- A. Đánh dấu lời dẫn trực tiếp
- B. Đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một phép liệt kê phức tạp.

C. Đánh dấu thành phần chú thích cho câu

D. Đánh dấu câu đã kết thúc

Câu 8: Dấu chấm phẩy trong câu “*Chẳng hạn, truyện dân gian kể, lúc Lê Lợi sinh ra có ánh sáng đỏ đầy nhà, mùi hương lạ khắp xóm; còn Nguyễn Huệ, khi ra đời, có hai con hổ châu hai bên.*” dùng để:

A. Đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận của phép liệt kê, cụ thể ngăn cách 2 cụm chủ vị trong câu ghép.

B. Đánh dấu ranh giới thành phần trạng ngữ với chủ ngữ, vị ngữ.

C. Báo hiệu lời nói của nhân vật.

D. Làm cho câu văn nhịp nhàng.

Phần II. Đọc – hiểu văn bản (2,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu

“...Bấy giờ, ở vùng núi cao phương Bắc, có nàng Âu Cơ thuộc dòng họ Thần Nông, xinh đẹp tuyệt trần, nghe tiếng vùng đất Lạc có nhiều hoa thơm cỏ lạ, bèn tìm đến thăm. Âu Cơ và Lạc Long Quân gặp nhau, đem lòng yêu thương, rồi trở thành vợ chồng, cùng nhau chung sống trên cạn ở điện Long Trang.

Ít lâu sau, Âu Cơ có mang đến kì sinh nở. Chuyện thật lạ, nàng sinh ra một cái bọc trăm trứng nở ra một trăm con trai, con nào con ấy hồng hào, đẹp đẽ lạ thường. Đàn con không cần bú mớm mà tự lớn lên như thổi, mặt mũi khôi ngô ^[2], khỏe mạnh như thần.

Thế rồi một hôm, Lạc Long Quân vốn quen ở nước, cảm thấy mình không thể sống mãi trên cạn được, đành từ biệt Âu Cơ và đàn con để trở về thủy cung với mẹ. Âu Cơ ở lại một mình nuôi đàn con, tháng ngày chờ mong, buồn tủi. Cuối cùng nàng gọi chồng lên và than thở.

- Sao chàng bỏ thiếp ^[3] mà đi, không cùng thiếp nuôi đàn con nhỏ?

Lạc Long Quân nói:

- Ta vốn nòi rồng ở miền nước thẳm, nàng là giòng tiên ở chốn non cao. Kẻ ở cạn, người ở nước, tính tình tập quán ^[4] khác nhau, khó mà ăn ở cùng nhau một nơi lâu dài được. Nay ta đưa năm mươi con xuống biển, nàng đưa năm mươi con lên núi, chia nhau cai quản các phương. Kẻ miền núi, người miền biển, khi có việc gì thì giúp đỡ lẫn nhau, đừng quên lời hẹn.

Âu Cơ và trăm con nghe theo, rồi cùng nhau chia tay nhau lên đường.

[...]

Cũng bởi sự tích này mà về sau, người Việt Nam ta con cháu vua Hùng, thường nhắc đến nguồn gốc của mình là **con Rồng cháu Tiên**.

(Trích truyền thuyết Con Rồng, cháu Tiên, theo Nguyễn Đăng Chi kê)

Câu 1. Xác định thể loại và ngôi kể của văn bản có đoạn trích trên.

Câu 2. Chuyện Âu Cơ sinh nở có những điểm gì kì lạ?

Câu 3. Những chi tiết hoang đường kì ảo trong đoạn truyện có ý nghĩa gì?

Câu 4. Truyền thuyết Con Rồng, cháu Tiên, em rút ra cho mình những bài học nào?

Phần III. Làm văn (6,0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm): Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) nêu cảm nhận của em về một chi tiết trong truyện truyền thuyết mà em yêu thích.

Câu 2 (4.0 điểm): Hãy viết bài văn thuyết minh về một lễ hội văn hóa dân gian mà em được tham gia hoặc tìm hiểu.

ĐÁP ÁN

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm																
	Phần I. Tiếng Việt (2,0 điểm)	2.0																
	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 12.5%;">Câu 1</td> <td style="width: 12.5%;">Câu 2</td> <td style="width: 12.5%;">Câu 3</td> <td style="width: 12.5%;">Câu 4</td> <td style="width: 12.5%;">Câu 5</td> <td style="width: 12.5%;">Câu 6</td> <td style="width: 12.5%;">Câu 7</td> <td style="width: 12.5%;">Câu 8</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">B</td> <td style="text-align: center;">A</td> <td style="text-align: center;">C</td> <td style="text-align: center;">C</td> <td style="text-align: center;">D</td> <td style="text-align: center;">C</td> <td style="text-align: center;">B</td> <td style="text-align: center;">A</td> </tr> </table>		Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8	B	A	C	C	D	C	B	A
Câu 1	Câu 2		Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8										
B	A	C	C	D	C	B	A											
Phần II. Đọc – hiểu văn bản (2,0 điểm)																		
Câu 1	- Thể loại : Truyền thuyết - Ngôi kể thứ ba	0.5																
Câu 2	Chuyện Âu Cơ sinh nở có những điểm kì lạ: - Nàng sinh ra một cái bọc trăm trứng ; - Trăm trứng nở ra một trăm người con trai ; - Đàn con không cần bú mớm mà tự lớn lên như thổi, mặt mũi khôi ngô, khoẻ mạnh như thần (HS trả lời được 2/3 ý cho 0.5 điểm)	0.5																
Câu 3	Những chi tiết hoang đường kì ảo trong câu chuyện có ý nghĩa: - Tộ đậm tính chất kì lạ, cao quý của nhân vật và sự kiện. - Thần kì hoá, linh thiêng hoá nguồn gốc dân tộc để người đời sau thêm tự hào, tôn kính tổ tiên mình. Khẳng định mọi người trên đất nước ta đều có chung một cội nguồn. - Làm tăng thêm sức hấp dẫn của tác phẩm. (HS trả lời được 2/3 ý cho 0.5 điểm)	0.5																
Câu 4	Những bài học mà HS có thể rút ra: - Cần có tinh thần đoàn kết dân tộc (người Việt Nam dù ở miền núi, đồng bằng hay miền biển ; dù ở trong nước hay ở nước ngoài. Người Việt Nam đều là con cháu vua Hùng, đều có chung cội nguồn) - Cần biết sống thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau. - Cần biết tự hào và phát huy giá trị của nguồn gốc cao quý ở người Việt Nam.	0.5																

	(HS trả lời được 2/3 ý cho 0.5 điểm)	
Phần III. Làm văn (6,0 điểm)		
Câu 1 (2.0điểm)	a. <i>Đảm bảo thể thức, dung lượng yêu cầu của một đoạn văn .</i>	0,25
	b. <i>Xác định đúng nội dung chủ yếu đoạn văn: suy nghĩ về một chi tiết trong truyện truyền thuyết để lại cho em ấn tượng sâu sắc.</i>	0,25
	c. <i>Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn. Có thể viết đoạn văn theo hướng sau: MĐ: Giới thiệu ấn tượng về chi tiết cụ thể nào, trong truyền thuyết gì, và vai trò của chi tiết trong việc thể hiện chủ đề văn bản. TĐ: + Nêu vị trí, hoàn cảnh xuất hiện chi tiết? Trích dẫn chi tiết + Chi tiết đó có ý nghĩa gì trong việc thể hiện hình tượng nhân vật, lí giải nguồn gốc hay sự kiện lịch sử nào? + Chi tiết có đặc sắc gì trong nghệ thuật kể? + Bày tỏ sự xúc động khi đọc đến chi tiết đó? Lí giải tại sao em xúc động? Liên hệ đến thực tế trải nghiệm của bản thân, ý nghĩa của hành động? KĐ: Cảm nghĩ về chi tiết được chọn</i>	1.0
	d. <i>Sáng tạo: Cách diễn đạt độc đáo, có cảm nghĩ riêng, sâu sắc</i>	0,25
	e. <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt.</i>	0,25
Câu 2 (4.0 điểm)	a. <i>Đảm bảo cấu trúc của một bài văn thuyết minh thuật lại sự kiện. Bài viết có bố cục chặt chẽ, rõ ràng, sắp xếp hệ thống mạch lạc, chính xác.</i>	0.25
	b. <i>Xác định đúng yêu cầu bài viết:</i>	0.25
	c. <i>Triển khai bài viết: Có thể theo gợi ý sau - Mở bài: Giới thiệu sự kiện một lễ hội văn hóa dân gian mà người kể được tham gia hoặc tìm hiểu (không gian, thời gian, mục đích tổ chức sự kiện) - Thân bài: + Tóm tắt diễn biến sự kiện theo trình tự thời gian: thời gian bắt đầu đến khi kết thúc. Thời gian thường xuất hiện của lễ hội ? Địa điểm tổ chức? + Nhân vật tham gia sự kiện + Các hoạt động chính của sự kiện; đặc điểm, diễn biến của từng hoạt động. + Hoạt động để lại ấn tượng sâu sắc nhất. - Kết bài: Nêu ý nghĩa của sự kiện và cảm nghĩ của người viết</i>	3.0
	d. <i>Sáng tạo: HS có hình ảnh miêu tả sinh động, hấp dẫn, có quan sát tinh tế, diễn đạt rõ ràng, có cảm xúc.</i>	0,25
	e. <i>Chính tả: dùng từ, đặt câu, đảm bảo chuẩn ngữ pháp, ngữ nghĩa TV.</i>	0,25

Đề bài tham khảo: Thuyết minh về một Lễ hội trăng rằm mà em đã được tham gia và để lại trong em nhiều ấn tượng.

a. Tìm ý

+ **Sự kiện: ngày hội trăng rằm**

+ Thời gian ngày 15/8 âm lịch, địa điểm ở làng (khu phố) hoặc ở trường em...

+ Hoạt động chính (trình tự, kết quả của hoạt động)

+ Ý nghĩa của sự kiện

b. Lập dàn ý

Bài viết tham khảo:

Tuổi thơ, ai cũng mong chờ đến trung thu để được tham gia Lễ hội trăng rằm, đây là lễ hội văn hóa dân gian đặc sắc. Lễ hội diễn ra hàng năm vào ngày 15 tháng 8 âm lịch. Trong tiết trời dịu mát của tiết thu, dưới ánh trăng vắng vặc của ngày rằm, hội trăng rằm diễn ra khắp mọi miền quê, ngõ phố. Ngày Tết trung thu năm ngoái, em đã được tham gia Lễ hội trăng rằm với nhiều hoạt động vô cùng ý nghĩa ngay tại sân vận động xã nhà. Chương trình của Lễ hội trăng rằm gồm nhiều hoạt động như: thi đội hình đội ngũ, thi trại thu, văn nghệ và trò chơi dân gian, rước đèn phá cỗ.

Để chuẩn bị cho Lễ hội trăng rằm của xã nhà, chúng em đã được tập đội hình đội ngũ, tập văn nghệ trước khoảng 10 ngày. Các hoạt động ấy diễn ra vào các buổi tối do các anh chị thanh niên, các cô bác trong thôn xóm hướng dẫn. Từ chiều ngày 15/8, từng xóm thôn nô nức kéo về sân vận động, mỗi xóm sẽ cắm trại, trang trí trại thu cho chi đội mình. Không khí rất đông vui náo nhiệt. Mỗi trại sẽ có mâm ngũ quả, ảnh Bác Hồ, cờ đỏ sao vàng, và nhiều tranh ảnh, đèn nháy trang trí rất đẹp mắt. Chúng em được bố mẹ, các anh chị phụ trách, các cô bác trong xóm hỗ trợ việc cắm trại, khâu trại và trang trí theo cách riêng của mỗi xóm.

Buổi chiều ngày 15/8 Lễ hội trăng rằm được khai mạc tại sân vận động đặt ở trung tâm xã. Sau phần chào cờ trang trọng, cô Mai là người dẫn chương trình cho lễ hội. Theo lời giới thiệu của cô, anh Bình bí thư đoàn xã lên khai mạc lễ hội trăng rằm trung thu 2020. Đầu tiên là chương trình phát quà tặng cho những bạn thiếu nhi chăm ngoan, học giỏi có hoàn cảnh khó khăn. Tiếp theo là hội thi đội hình đội ngũ. Có 10 chi đội thi, đội nào tập đều, đẹp nhất sẽ giành phần thắng. Chi đội em năm nào cũng dẫn đầu phần thi nghi thức vì tác phong tập đội ngũ của chúng em dứt khoát, mạnh mẽ, và đẹp mắt. Sau phần thi nghi thức là trò chơi dân gian. Lúc đó, mặt trời ngả bóng, không khí mát mẻ, những trò chơi dân gian được diễn ra. Nào là nhảy bao, bịt mắt đánh trống, kéo co...Tiếng cổ vũ vang lên náo nhiệt.

Lễ hội trăng rằm diễn ra đúng vào đêm trăng rằm tháng 8. Đúng 19h Lễ hội trăng rằm mới thật sự bắt đầu. Từ các ngã đường, các em nhỏ được bố mẹ cho đến tham gia Tết trung thu. Đi bộ dưới ánh trăng trong vắt của ngày rằm trung thu là một trải nghiệm tuyệt vời. Vầng trăng xinh tươi, tròn trịa buông ánh sáng lên vạt vạt. Con đường làng, cánh đồng, dòng sông cũng đầy ánh trăng. Vui nhất là em được cùng bố, mẹ dẫn đi chơi trung thu.

Sau đó là phần thi văn nghệ của từng thôn xóm. Trong hội thi văn nghệ, các bạn nhỏ ở từng xóm thôn thi nhau trở tài. Đội thì diễn kịch vui vẻ, hài hước. Đội lại trở tài hát ca, ca ngợi công ơn với Bác Hồ kính yêu. Đội lại múa những điệu múa dân gian như trống cơm, cò lả...Vui không kể xiết. Nhưng ấn tượng nhất là các tiết mục ca hát, nhảy múa vui tươi của các em trường mầm non. Mỗi tiết mục khi mở đầu hay kết thúc đều được đón nhận những

tràng pháo tay giòn giã. Khuôn mặt ai nấy đều vui vẻ, mọi mệt mỏi tan biến. Nhất là các bạn được tham gia biểu diễn văn nghệ, các bạn giống như những nghệ sĩ thực sự, trở tài cho mọi người xem.

Tiếp theo là phần thi trại thu. Thiếu niên sẽ xếp hai hàng trước trại, ăn mặc chỉnh tề, vỗ tay đều nhịp chào đón ban giám khảo đến chấm trại thu. Trại thu nào cũng đẹp. Trại xóm nào cũng được trang trí hết sức cầu kì đẹp mắt. Nào là đèn kéo quân lấp lánh hiện cảnh đồng quê; nào là đèn nháy lung linh nhấp nháy liên tiếp theo nhịp trống; nào là đèn màu xanh đỏ leo lên leo xuống, thi nhau thắp lên tạo ra những sắc màu rực rỡ. Trại thì được trang trí hình bụi tre xanh, trại thì bông lúa vàng, búp măng non... Trại nào cũng đẹp. Chỉ nhìn ngắm trại thu thôi, tôi đã thấy quê em đẹp thế nào rồi.

Sau đó, chúng em được tham gia lễ hội rước đèn và phá cỗ xem trăng. Tiết mục múa lân do các anh chị lớp 9 của trường biểu diễn vô cùng vui nhộn. Tiếng trống Tùng! Tùng! Rinh! Rinh mà tim em đập rộn ràng. Sau đó, chúng em được ăn bánh trung thu, hoa quả của mùa thu. Bưởi, hồng, chuối...được bố mẹ chuẩn bị để các bạn được ăn cùng nhau. Vui thật vui.

Trăng lên cao hơn, đêm hội trăng rằm cũng khép lại. Mọi người tản ra để trở về nhà. Ai nấy đều vô cùng háo hức. Nhất là các bạn nhỏ. Tham gia Lễ hội trăng rằm không chỉ làm giàu có truyền thống văn hóa dân tộc, mà đây còn là dịp để toàn xã hội quan tâm tới thiếu nhi. Em mong Lễ hội trăng rằm được duy trì và phát triển để tuổi thơ của chúng em thêm ý nghĩa.

Hoạt động : Vận dụng

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học (chủ đề) để vận dụng vào thực tế.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân ở nhà để hoàn thành yêu cầu của GV

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

- B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV giao đề cho HS về nhà lập dàn ý, sau đó viết hoàn thành bài hoàn chỉnh.

***Bài tập đọc hiểu**

Đề bài:

Đọc đoạn văn bản sau và trả lời các câu hỏi

Các ông lang ai cũng muốn ngôi báu về mình, nên ai cũng cố ý làm vừa ý vua cha. Nhưng ý vua cha thế nào, không ai đoán được. Họ chỉ biết đua nhau làm cỗ thật hậu, thật ngon về để tế lễ Tiên Vương.

Người buồn nhất là Lang Liêu. Ông là con thứ mười tám; mẹ ông trước kia từng bị vua cha ghẻ lạnh mà ốm chết. So với anh em, ông thiệt thòi nhất. Anh em, tả hữu nhiều, khắp trên núi, dưới biển, đâu có của quý là sai người đi tìm. Còn ông neo đơn biết lấy gì lễ Tiên Vương cho vừa ý vua cha? Từ khi lớn lên, ra ở riêng, ông chăm chỉ lo việc đồng áng, trồng lúa, trồng khoai; bây giờ nhìn quanh quần trong nhà, chỉ thấy khoai lúa là nhiều. Nhưng khoai lúa thì tầm thường quá!

Một đêm ông nằm mộng thấy thần nhân đến bảo:

- Trong trời đất không gì quý bằng hạt gạo. Chỉ có gạo mới nuôi sống con người và ăn không bao giờ chán. Các thứ khác, tuy ngon, nhưng hiếm, mà người không làm ra được. Còn lúa gạo thì tự tay ta trồng lấy, trồng được nhiều. Hãy lấy gạo làm bánh mà lễ Tiên Vương!”
(Trích Bánh chưng, bánh giầy)

Câu 1. Nêu thể loại và nhân vật chính của tác phẩm.

Câu 2. Theo đoạn trích, Lang Liêu là người như thế nào?

Câu 3. Tại sao trong các hoàng tử, chỉ có Lang Liêu được thần giúp đỡ? Chi tiết Lang Liêu được thần báo mộng đã thể hiện quan niệm và ước mơ gì của nhân dân ta trong cuộc sống?

Câu 4.a. Hiện nay, để chào đón Tết Nguyên đán, nhiều trường học tổ chức cho học sinh thi gói bánh chưng. Em có suy nghĩ gì về hoạt động này.

Câu 4.b. Hiện nay, đặc biệt ở các thành phố, nhiều gia đình Việt không còn duy trì tục gói bánh chưng ngày Tết. Em có suy nghĩ gì về thực trạng này?

(GV chọn một trong hai câu)

Gợi ý trả lời

Câu 1:

Nhân vật chính là Lang Liêu.

Câu 2:

Theo đoạn trích, Lang Liêu là chàng trai hiền hậu, chăm chỉ, rất mực hiếu thảo.

Câu 3:

Lí do chỉ có Lang Liêu được thần giúp đỡ là:

- Chàng sớm mồ côi mẹ, so với anh em, chàng là người thiệt thòi nhất.
- Tuy là con vua nhưng chàng rất mực chăm chỉ, lại hiền hậu, hiếu thảo.
- Đồng thời, chàng là người có trí sáng tạo, hiểu được ý thần: “*Trong trời đất, không gì quý bằng hạt gạo*” và lấy gạo làm bánh để lễ Tiên vương. (Thần chỉ mách nước cho Lang Liêu nguyên liệu chứ không làm lễ vật giúp Lang Liêu. Tự Lang Liêu phải sáng tạo ra 2 thứ bánh để dâng lên Tiên Vương).

=>Truyện đã thể hiện ý nguyện của nhân dân lao động: những người hiền lành, chăm chỉ sẽ luôn nhận được sự giúp đỡ khi khó khăn, hoạn nạn.

Câu 4.a.

Theo em, hoạt động thi gói bánh chưng ở các trường học là một hoạt động bổ ích, hay và sáng tạo, cần được tổ chức rộng rãi hơn nữa. Hoạt động này có nhiều ý nghĩa:

- Là cuộc thi bổ ích hướng HS nhớ về những phong tục tập quán của ngày Tết cũng như lưu giữ nét đẹp cổ truyền của dân tộc ta.

- Tạo ra một sân chơi lành mạnh, giúp các bạn HS thể hiện sự tài năng, khéo léo của mình .

- Đây còn là cơ hội quý giá để trải nghiệm một trong những hoạt động nổi bật của dịp Tết cổ truyền, giúp xây dựng mối quan hệ đoàn kết, gắn bó giữa học sinh trong trường với nhau; đồng thời nâng cao ý thức trách nhiệm, kĩ năng trong các hoạt động tập thể.

Câu 4.b.

- Ở nhiều thành phố, do tính chất công việc quá bận rộn, nhiều người bỏ qua không gói bánh trưng nữa mà thay vào đó họ chọn hình thức nhanh gọn hơn đó là mua trực tiếp từ những người bán hàng để về thờ cúng.
- Tuy nhiên, tục gói bánh trong mỗi gia đình nên được giữ gìn và phát huy, bởi thông qua hoạt động này sẽ tăng thêm tình cảm gia đình khi mọi người quây quần bên nhau cùng trải qua các công đoạn để có những chiếc bánh ngon đẹp. Hơn nữa, thông qua hoạt động này, thế hệ trước còn giáo dục thế hệ sau về truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”, hướng đến tổ tiên mỗi dịp Tết đến xuân về.

Hoạt động: Bổ sung

GV yêu cầu HS:

- Tìm đọc và tham khảo các tài liệu liên quan đến nội dung bài học.
- Học bài ở nhà, ôn tập các nội dung đã học.
- Làm hoàn chỉnh các đề bài.
- Vẽ sơ đồ tư duy bài học.
- Tìm đọc chuyện cổ tích Việt Nam. Soạn bài 7

Một số truyền thuyết sưa tầm:

“Đất này vốn không có người ở. Một ngày nọ, một cây tươi tốt có tên “Si” đứng trên núi, bị một cơn bão mạnh quật ngã. Từ đây sinh ra 2 chú chim, chúng làm tổ trong hang Hào – mà ngày nay là “Hang Ma Chung Dien” ở làng Phù Nhiên, xã Ngọc Hào, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình”.

“Chúng đẻ ra 100 quả trứng và 3 quả trong số trứng đó đáng chú ý vì kích thước của chúng và bởi chúng biến thành người. Từ đó sinh ra “Ay” và “Ua”, những người đầu tiên của tộc người thổ. 5 tháng trôi qua mà không có quả trứng nào nữa nở. Tuyệt vọng, Ay và Ua đi vào trong rừng. Hai người gặp “Dam-Cu-Cha” và “Gia-Cha-Giang” và bày tỏ sự lo lắng của mình với họ. Các bà mẹ khuyên rằng: ở loạt 50 quả trứng đầu, hãy xếp chúng xen giữa những tấm lót làm bằng cỏ thần này... Xếp xuống mặt đất những quả trứng đang nằm trên cùng và đảo ngược chúng lại. Trong 50 ngày, 100 quả trứng sẽ nở”.

“Ay và Ua chỉ vừa kịp cảm ơn các vị thần thì họ đã mất hút vào khu rừng.

Khi trở về hang của mình, Ay và Ua nhất nhất làm theo lời khuyên của các bà tiên. 50 ngày sau, 97 quả trứng đã nở thành các tộc người khác nhau; 50 sống ở đồng bằng và 47 sống ở vùng núi. Từ đó tạo ra dân Mường, Mán, Mèo, Tho-Dan và Tho-Trang”.

(Truyền thuyết “Câu chuyện về 100 trứng” của người Mường)

Văn bản tham khảo:

Nàng Han (truyền thuyết dân tộc Thái)

Ở tỉnh Lai Châu, huyền thoại và di tích về Nàng Han có một số nơi, nhưng đậm nét và hiện đang được gìn giữ tổ chức thờ cúng là ở xã Mường So (huyện Phong Thổ). Truyền thuyết để lại rằng, thủa ấy đất Thái luôn bị giặc phương Bắc xâm lược

Có lần giặc tràn sang khu vực Sì Lờ Lầu cướp của, đốt phá, chiếm đất và giết hại dân lành. Các vị tướng giỏi đã xuất quân lên biên giới đánh đuổi giặc, nhưng thế giặc mạnh nên đánh mãi không thắng. Quân ta đã tử trận rất nhiều, nên trai tráng bản mường phải liên tục đầu quân đánh giặc. Chiến tranh kéo dài, đời sống nhân dân đất Thái ngày càng lâm vào nghèo đói, khổ cực.

Một đêm cuối năm, chúa đất cùng các Tào Noọng, Tào Ao (Quan em, Quan anh) cùng các già bản, già mường có uy tín đốt lửa giữa sân Bản Lang họp bàn cử người cầm quân tiếp viện để đánh giặc. Đêm đã khuya mà vẫn chưa tìm được người tài. Bỗng một cô gái gầy yếu con một gia đình nông dân Bản Lang đến bên đống lửa xin được đi đánh giặc. Mọi người cười ồ lên, có già bản hỏi:

- Mày là đàn bà con gái, lại gầy gò ốm yếu thế, có tài gì mà cũng đòi đi đánh giặc?

Cô gái nói:

- Tôi tuy là phận gái nhưng đất nước có giặc thì con gái cũng phải ra trận. Tôi có sức khỏe, mỗi tay nhấc được một hòn đá to.

Dân bản ngạc nhiên và nhìn xung quanh không thấy hòn đá to bèn lấy hai chiếc bao lớn bỏ đá vào để thử tài cô gái. Quả nhiên, hai tay cô gái đã nhấc bổng hai bao đá nặng. Dân bản trầm trồ thán phục và phong cho cô làm chủ tướng cầm quân ra trận đánh giặc. Chỉ sau một tháng, đội quân của cô gái đã cùng các vị tướng đánh tan giặc ngoại xâm, đất nước được bình yên.

Nhân dân dựng một Hồn quan - ngôi nhà, ở chân Pu Kho Nhọ (núi đầu rồng ngẩng cổ) để chờ đón cô gái trở về cùng quan tào cai quản bản mường. Mọi người gọi cô bằng cái tên sùng kính là Nàng Han.

Sau khi đánh tan quân giặc, Nàng Han trở về. Ngày 30 Tết Nguyên đán, thì nàng về đến bên suối Tùng Lùm, Nàng Han cho lính hạ kiệu để mình xuống suối tắm gội. Đến mạch nước ngầm, nàng khát nước nên xuống uống nước. Quân lính chờ mãi không thấy chủ tướng quay ra nên cho người vào xem và thấy một cái bóng bay lên trời. Họ hốt hoảng chạy về báo cho chúa đất.

Dân Mường cho rằng Nàng Han là người nhà trời, được cử xuống đất Thái giúp dân đánh giặc giữ nước. Khi đã đánh tan giặc, Nàng lại về trời. Chúa đất cho lập miếu thờ Nàng Han bên mó nước, hàng năm cứ đến ngày 30 Tết nhân dân lại tổ chức cúng Nàng. Ngoài ra, những năm đất nước có giặc thì mỗi khi xuất trận dân mường lại tổ chức cúng Nàng Han tại

miếu để xin Nàng phù hộ cho thắng trận. Thời phong kiến, dân bản trước khi đi lính, đi phu, đi buôn đường sông nước và ngày nay thì đi bộ đội, đi công tác, đi làm ăn thì đều sắp lễ xin Nàng Han ban cho an lành, sức khỏe và may mắn, thành đạt.

Truyền thuyết về Nàng Han là bản anh hùng ca lịch sử hào hùng của dân tộc Thái và một số dân tộc khác ở Tây Bắc. Nó chứng tỏ truyền thống yêu nước, xả thân vì Tổ quốc, giữ gìn toàn vẹn lãnh thổ như truyền thuyết Thánh Gióng của người Việt. Đó chính là cội nguồn sức mạnh truyền thống cổ kết của dân tộc Việt Nam ta.

Một số câu hỏi tham khảo xoay quanh ngữ liệu mới cần lưu ý cho thể loại truyền thuyết:

Câu 1: Câu chuyện kể về ai? Nhân vật có những chiến công phi thường như thế nào?

Câu 2: Chỉ ra yếu tố hoang đường kì ảo trong truyện truyền thuyết em vừa đọc? Những chi tiết ấy có ý nghĩa gì?

Câu 3: Dấu tích xưa và sự thật lịch sử nào trong truyện còn lưu lại đến ngày nay? Điều này đem lại ý nghĩa gì cho câu chuyện?

Câu 4: Chủ đề của truyện?